



Hướng dẫn hiệu chỉnh liều kháng sinh, kháng nấm, kháng virus trên bệnh nhân người lớn suy giảm chức năng thận

Acyclovir

Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022

- Đường uống:
+ Đối với BN suy giảm chức năng thận:

Liều thông thường	ClCr (ml/ph)	Liều dùng
200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều
	0 - 10	200mg/12h
400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều
	0 - 10	200mg/12h
800mg/4h 5 lần/ngày	> 25	Không phải chỉnh liều
	10 - 25	800mg/8h
	0 - 10	800mg/12h

+ Đối với BN nhiễm HIV:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
> 80	Không phải chỉnh liều
50 - 80	200-800mg/6-8h
25 - 50	200-800mg/8-12h
10 - 25	200-800mg/12-24h
< 10	200-400mg/24h

+ HD: Bổ sung 1 liều sau lọc.

+ CAPD: Không phải bổ sung.

- Đường tiêm:

+ Đối với BN suy giảm chức năng thận:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng đưa liều (giờ)
> 50	100%	8
25 - 50	100%	12
10 - 25	100%	24
0 - 10	50%	24

Sanford guide (update 12.2025)

- Đường uống:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
> 25	Không phải chỉnh liều: 800mg/4h (5 lần/ngày)
10 - 25	800mg/8h
< 10	800mg/12h
HD	800mg/12h (thêm liều sau lọc)
CAPD	800mg/12h
CRRT	ND

- Đường tiêm:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
> 50	Không phải chỉnh liều: 5-12,5mg/kg/8h
10 - 50	5-12,5mg/kg/12-24h
< 10	2,5-6,25mg/kg/24h
HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)
CAPD	2,5-6,25mg/kg/24h
CRRT	2,5-6,25mg/kg/24h

HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023

- Đường uống:

+ Điều trị *Herpes simplex* (HSV) ở da và niêm mạc:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
≥ 10	0,4g/12h hoặc 0,2g/4h (5 lần/ngày)
< 10	0,2g/12h

+ Điều trị *Varicella Zoster* (VZV), *Herpes Zoster* (tối đa 4g/ngày):

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
> 25	0,8g/4h (5 lần/ngày)
10 - 25	0,8g/8h
< 10	0,8g/12h

- Đường tiêm:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng
> 50	5 - 12,5mg/kg/8h
10-50	5 - 12,5mg/kg/12-24h
< 10	2,5 - 6,25mg/kg/24h
CVVH	5 - 10mg/kg/24h
CVVHD	
CVVHDF	
HD	2,5-6,25mg/kg/24h (sau lọc vào ngày lọc)

Renal Pharmacotherapy 2021

- Đường uống:

Liều thông thường	ClCr (ml/ph/ 1.73m ²)	Liều dùng
200mg/4h, 5 lần/ngày	> 10	Không phải chỉnh liều
	0 - 10	200mg/12h
400mg/12h	> 10	Không phải chỉnh liều
	0 - 10	200mg/12h
800mg/4h	10 - 25	800mg/8h
	0 - 10	800mg/12h

- Đường tiêm:

ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng cách (giờ)
> 50	100%	8
25 - 50	100%	12
10 - 25	100%	24
0 - 10	50%	24

+ HD: bổ sung 1 liều sau lọc.
+ PD: không cần liều bổ sung sau khi đã chỉnh liều.

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																														
	<div>+ Đối với BN nhiễm HIV:<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>5mg/kg/12 - 24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2,5mg/kg/24h</td></tr></table></div> <div>+ HD: Bổ sung 1 liều sau lọc.</div> <div>+ CAPD: Không phải bổ sung.</div>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều	10 - 50	5mg/kg/12 - 24h	< 10	2,5mg/kg/24h																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	Không phải chỉnh liều																																																																	
10 - 50	5mg/kg/12 - 24h																																																																	
< 10	2,5mg/kg/24h																																																																	
Amikacin	<div>Cách 1: Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</div> <div>Dùng liều 7,5mg/kg/lần, khoảng đưa liều được tính bằng SCr (mg/100ml) nhân với 9.</div> <table><tr><th>SCr (mg/100ml)</th><th>Khoảng cách đưa liều (h)</th></tr><tr><td>1,5</td><td>13,5</td></tr><tr><td>2,0</td><td>18,0</td></tr><tr><td>2,5</td><td>22,5</td></tr><tr><td>3,0</td><td>27,0</td></tr><tr><td>3,5</td><td>31,5</td></tr><tr><td>4,0</td><td>36,0</td></tr><tr><td>4,5</td><td>40,5</td></tr><tr><td>5,0</td><td>45,0</td></tr></table> <div>Cách 2: Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</div> <div>LD: 7,5mg/kg</div> <div>$MD = \frac{ClCr\ BN\ suy\ thận}{ClCr\ bình\ thường} \times LD$</div> <div>dùng mỗi 12h.</div>	SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)	1,5	13,5	2,0	18,0	2,5	22,5	3,0	27,0	3,5	31,5	4,0	36,0	4,5	40,5	5,0	45,0	<div>Gram (-):</div> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>7,5mg/kg/12h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>7,5mg/ kg/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>7,5mg/kg/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td></tr></table> <div>NTM (<i>Nontuberculous Mycobacteria</i>):</div> <div>TDM để hiệu chỉnh liều, với mục tiêu:</div> <table><tr><th>Đỉnh (µg/ml)</th><th>Đáy (µg/ml)</th></tr><tr><td>35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)</td><td>< 1</td></tr></table> <div>- CRRT: 25mg/kg/48h truyền kéo dài. Khuyến cáo TDM.</div> <div>- CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc): 2mg/kg/24h, IP.</div>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	7,5mg/kg/12h	10 - 50	7,5mg/ kg/24h	< 10	7,5mg/kg/48h	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc	Đỉnh (µg/ml)	Đáy (µg/ml)	35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1	<div>Nếu TDM: ClCr < 40 ml/ph: LD 15 - 20mg/kg, liều tiếp theo sử dụng theo kết quả định lượng.</div> <div>Nếu không TDM: liều dùng theo ClCr:</div> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 80</td><td>20mg/kg/24h</td></tr><tr><td>60-79</td><td>15-20mg/kg/24h</td></tr><tr><td>40-59</td><td>15-20mg/kg/36h</td></tr><tr><td>30-39</td><td>15mg/kg/48h</td></tr><tr><td>20-29</td><td>12mg/kg/48h</td></tr><tr><td>10-19</td><td>10mg/kg/48h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>7,5mg/kg/48h</td></tr></table> <div>- CVVH, CVVHDF:</div> <table><tr><th>Lọc máu</th><th>Liều thấp</th><th>Liều cao</th></tr><tr><td>HD</td><td colspan="2">7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc</td></tr><tr><td>CVVH</td><td rowspan="2">LD: 10mg/kg; MD:7,5mg/kg /24 - 48h</td><td>25-30mg /kg/48h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>25-30mg /kg</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td></td><td></td></tr></table> <div>Với chế độ liều cao, cần TDM để xác định khoảng liều.</div>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	20mg/kg/24h	60-79	15-20mg/kg/24h	40-59	15-20mg/kg/36h	30-39	15mg/kg/48h	20-29	12mg/kg/48h	10-19	10mg/kg/48h	< 10	7,5mg/kg/48h	Lọc máu	Liều thấp	Liều cao	HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc		CVVH	LD: 10mg/kg; MD:7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg /kg/48h	CVVHDF	25-30mg /kg	CVVHD			<div>Cách 1: Giữ nguyên liều thông thường, kéo dài khoảng cách đưa liều.</div> <div>Dùng liều 7,5mg/kg, khoảng đưa liều có thể được tính bằng cách nhân SCr với 9.</div> <div>Cách 2: Giảm liều và giữ nguyên khoảng cách đưa liều (12h).</div> <div>LD: 7,5mg/kg</div> <div>$MD = \frac{ClCr\ BN\ suy\ thận}{ClCr\ bình\ thường} \times LD$</div> <div>dùng mỗi 12h.</div>
SCr (mg/100ml)	Khoảng cách đưa liều (h)																																																																	
1,5	13,5																																																																	
2,0	18,0																																																																	
2,5	22,5																																																																	
3,0	27,0																																																																	
3,5	31,5																																																																	
4,0	36,0																																																																	
4,5	40,5																																																																	
5,0	45,0																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	7,5mg/kg/12h																																																																	
10 - 50	7,5mg/ kg/24h																																																																	
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																	
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																	
Đỉnh (µg/ml)	Đáy (µg/ml)																																																																	
35-45 (15mg/kg) 65-80 (25mg/kg)	< 1																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
≥ 80	20mg/kg/24h																																																																	
60-79	15-20mg/kg/24h																																																																	
40-59	15-20mg/kg/36h																																																																	
30-39	15mg/kg/48h																																																																	
20-29	12mg/kg/48h																																																																	
10-19	10mg/kg/48h																																																																	
< 10	7,5mg/kg/48h																																																																	
Lọc máu	Liều thấp	Liều cao																																																																
HD	7,5mg/kg/48h + 3,75mg/kg sau lọc																																																																	
CVVH	LD: 10mg/kg; MD:7,5mg/kg /24 - 48h	25-30mg /kg/48h																																																																
CVVHDF		25-30mg /kg																																																																
CVVHD																																																																		

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022			Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021			
Amoxicillin	CICr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm	Đường tiêm: ND Đường uống:	ND	Đường tiêm: ND Đường uống:			
	> 30	Không phải chỉnh liều		CICr (ml/ph)		Liều dùng	CICr (ml/ph)	Liều dùng	
	10 - 30	250 - 500mg/12h	IM: 500mg/12h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/12h	> 30		500mg/8h hoặc 875mg/12h	> 30	250 - 500mg/8-12h	
	< 10	250 - 500mg/24h	IM: 500mg/24h; IV: 1000mg, sau đó 500 - 1000mg/24h	10 - 30		250 - 500mg/12h	10 - 30	250 - 500mg/12h	
	HD	250 - 500mg/24h Thêm 1 liều trong và sau mỗi lần lọc máu	IM: 500mg/24h, bổ sung thêm 1 liều 500mg trong và sau lọc; IV: 1g sau thẩm tách, sau đó 500mg/24h	< 10		250 - 500mg/24h	< 10	250 - 500mg/24h	
				HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều sau lọc)	HD	250 - 500mg/24h (bổ sung thêm liều trong và sau lọc)		
				CAPD	250 - 500mg/12h				
				CRRT	250 - 500mg/8-12h				
Amoxicilin + acid clavulanic	CICr (ml/ph)	Đường uống	Đường tiêm	CICr (ml/ph)	Đường uống (tỉ lệ 4:1)	Đường tiêm	ND		
	> 30	Không phải chỉnh liều		> 30	Không phải chỉnh liều			CICr (ml/ph)	Liều dùng
	10-30	250/125mg-500/125mg mỗi 12h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 12h	10 - 30	250-500mg /12h	1g, sau đó 500mg/12h		> 30	500/125mg mỗi 8h hoặc 875/125mg mỗi 12h
	< 10	250/125mg-500/125mg mỗi 24h	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h	< 10	250-500mg /24h	1g, sau đó 500mg/24h		10 - 30	0,25-0,5g/12h (tính theo amoxicilin)
	HD	250/125mg-500/125mg mỗi 24h, bổ sung thêm một liều trong và sau lọc	1000/200mg, sau đó 500/100mg mỗi 24h, bổ sung 500/100mg sau lọc	HD	250-500mg /24h, bổ sung thêm một liều sau lọc	1g, sau đó 500mg/24h, bổ sung thêm một liều sau lọc		< 10	0,25-0,5g/24h (tính theo amoxicilin)
				CAPD	ND		Đường tiêm: ND		
				CRRT	ND				
				Liều dùng được tính theo amoxicilin					
Ampicilin + sulbactam	- Đường tiêm:			- Đường tiêm:			- Đường tiêm:		
	CICr (ml/ph)	Liều dùng		CICr (ml/ph)	Liều dùng		CICr (ml/ph)	Liều dùng	
	≥ 30	1,5-3g/6-8h		≥ 30	1,5-3g/6h		≥ 30	1,5-3g/6-8h	
	15 - 29	1,5-3g/12h		15 - 29	1,5-3g/12h		15 - 29	1,5-3g/12h	
	5 - 14	1,5-3g/24h		5 - 14	1,5-3g/24h		5 - 14	1,5-3g/24h	
	HD	1,5-3g/lần/24h, tốt nhất là ngay sau khi lọc		HD	1,5-3g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)		< 5, không lọc máu	ND	

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)		HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																					
		<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>CAPD</td><td>3g/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>1,5-3g/8-12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	CAPD	3g/24h	CRRT	1,5-3g/8-12h																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																									
CAPD	3g/24h																																									
CRRT	1,5-3g/8-12h																																									
Anidulafungin	ND	Không phải chỉnh liều (50 - 100mg/24h).		ND	Không phải chỉnh liều.																																					
Azithromycin	- ClCr 10 - 80ml/ph: Không phải chỉnh liều. - ClCr < 10ml/ph: Thận trọng. - HD, CAPD, CRRT: Không phải chỉnh liều.	Không phải chỉnh liều (250 - 500mg/24h).		Không phải chỉnh liều (LD: 0,5g; MD: 0,25g hoặc 0,5g mỗi 24h).	Không phải chỉnh liều.																																					
Caspofungin	ND	Không phải chỉnh liều (LD: 70mg (trong 1h); MD: 50mg/24h (trong 1h)).		Không phải chỉnh liều (LD: 70mg (trong 1h); MD: 50mg/24h (trong 1h). Với BN > 80 kg: 70mg/24h).	Không phải chỉnh liều.																																					
Cefaclor	- Suy thận: không cần thiết phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi thận trọng vì tăng thời gian bán thải trên đối tượng này. - HD: Liều khởi đầu: 250-1000mg trước khi lọc, MD: 250-500mg/6-8h, giữa các lần lọc.	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥10</td><td>500mg/8h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥10	500mg/8h	< 10	500mg/12h	HD	500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	500mg/12h	CRRT	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥10</td><td>500mg/8h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>500mg/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥10	500mg/8h	< 10	500mg/12h	Không phải chỉnh liều.																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																									
≥10	500mg/8h																																									
< 10	500mg/12h																																									
HD	500mg/12h (1 liều dùng cố định sau lọc vào ngày lọc)																																									
CAPD	500mg/12h																																									
CRRT	ND																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																									
≥10	500mg/8h																																									
< 10	500mg/12h																																									
Cefalexin	- ClCr > 40ml/ph: không phải chỉnh liều. - ClCr < 40ml/ph: liều đầu tiên bằng liều thông thường, sau đó chỉnh liều theo ClCr. <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng (mg)</th><th>Cách dùng</th></tr><tr><td>11 - 40</td><td>500</td><td>8-12h/lần</td></tr><tr><td>5 - 10</td><td>250</td><td>12h/lần</td></tr><tr><td>< 5</td><td>250</td><td>12-24h/lần</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng (mg)	Cách dùng	11 - 40	500	8-12h/lần	5 - 10	250	12h/lần	< 5	250	12-24h/lần	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>250-1000mg/6h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>250-1000mg/8-12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>250-1000mg/24-48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>250-500mg/12-24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-1000mg/6h	10 - 50	250-1000mg/8-12h	< 10	250-1000mg/24-48h	HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/12-24h	CRRT	ND	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>30-59</td><td>Không phải chỉnh liều, liều tối đa hằng ngày không vượt quá 1g</td></tr><tr><td>15-29</td><td>250mg/8h hoặc 12h</td></tr><tr><td>5-14</td><td>250mg/24h</td></tr><tr><td>1-4, chưa HD</td><td>250mg/48h hoặc 60h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hằng ngày không vượt quá 1g	15-29	250mg/8h hoặc 12h	5-14	250mg/24h	1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng (mg)	Cách dùng																																								
11 - 40	500	8-12h/lần																																								
5 - 10	250	12h/lần																																								
< 5	250	12-24h/lần																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																									
> 50	250-1000mg/6h																																									
10 - 50	250-1000mg/8-12h																																									
< 10	250-1000mg/24-48h																																									
HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																									
CAPD	250-500mg/12-24h																																									
CRRT	ND																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																									
> 60	Không phải chỉnh liều																																									
30-59	Không phải chỉnh liều, liều tối đa hằng ngày không vượt quá 1g																																									
15-29	250mg/8h hoặc 12h																																									
5-14	250mg/24h																																									
1-4, chưa HD	250mg/48h hoặc 60h																																									

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
Cefamandol	<div>- Suy thận: Liều đầu tiên 1-2g, các liều duy trì như sau:<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>80 - 50</td><td>750mg - 2g/6h</td></tr><tr><td>< 50 - 25</td><td>750mg - 2g/8h</td></tr><tr><td>< 25 - 10</td><td>500mg - 1,25g/8h</td></tr><tr><td>< 10 - 2</td><td>500mg - 1g/12h</td></tr><tr><td>< 2</td><td>250 - 750mg/12h</td></tr></table></div> <div>- HD, CAPD: ND</div>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	80 - 50	750mg - 2g/6h	< 50 - 25	750mg - 2g/8h	< 25 - 10	500mg - 1,25g/8h	< 10 - 2	500mg - 1g/12h	< 2	250 - 750mg/12h	ND	ND	ND																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
80 - 50	750mg - 2g/6h																																															
< 50 - 25	750mg - 2g/8h																																															
< 25 - 10	500mg - 1,25g/8h																																															
< 10 - 2	500mg - 1g/12h																																															
< 2	250 - 750mg/12h																																															
Cefazolin	<div>- <i>Liều thông thường</i>: + NK nhẹ: 0,25 - 0,5g/8h. + NK trung bình - nặng: 0,5 - 1g/6 - 8h. + NK nặng, đe dọa tính mạng: 1 - 1,5g/6h. - Liều tối đa 12g/ngày.</div> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/liều thông thường</th><th>Khoảng đưa liều</th></tr><tr><td>35 - 54</td><td>100%</td><td>≥ 8h/lần</td></tr><tr><td>11 - 34</td><td>50%</td><td>12h/lần</td></tr><tr><td>≤ 10</td><td>50%</td><td>18 -24h/lần</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng đưa liều	35 - 54	100%	≥ 8h/lần	11 - 34	50%	12h/lần	≤ 10	50%	18 -24h/lần	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1 - 2g/8h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>0,5 - 2g/8 - 12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5 - 1g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>1 - 2g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1 - 2g/8h	10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h	< 10	0,5 - 1g/24h	HD	0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,5g/12h	CRRT	1 - 2g/12h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1 - 2g/8h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>0,5 - 2g/8 - 12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5 - 1g/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1 - 2g/8h	10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h	< 10	0,5 - 1g/24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 55</td><td>0,5 - 2g/8h</td></tr><tr><td>35 - 54</td><td>0,5 - 2g/12h</td></tr><tr><td>11 - 34</td><td>0,25 - 1g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,25 - 1g/18 - 24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 55	0,5 - 2g/8h	35 - 54	0,5 - 2g/12h	11 - 34	0,25 - 1g/12h	< 10	0,25 - 1g/18 - 24h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	Khoảng đưa liều																																														
35 - 54	100%	≥ 8h/lần																																														
11 - 34	50%	12h/lần																																														
≤ 10	50%	18 -24h/lần																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	1 - 2g/8h																																															
10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h																																															
< 10	0,5 - 1g/24h																																															
HD	0,5 - 1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CAPD	0,5g/12h																																															
CRRT	1 - 2g/12h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	1 - 2g/8h																																															
10 - 50	0,5 - 2g/8 - 12h																																															
< 10	0,5 - 1g/24h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 55	0,5 - 2g/8h																																															
35 - 54	0,5 - 2g/12h																																															
11 - 34	0,25 - 1g/12h																																															
< 10	0,25 - 1g/18 - 24h																																															
Cefdinir	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>600mg/24h, chia 1-2 lần</td></tr><tr><td>< 30</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	600mg/24h, chia 1-2 lần	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>300mg/12h hoặc 600mg/24h</td></tr><tr><td>< 30</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>ND</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	ND	CRRT	ND	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>300mg/12h hoặc 600mg/24h</td></tr><tr><td>< 30</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h	< 30	300mg/24h	HD	300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	600mg/24h, chia 1-2 lần																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h + 300mg ngay sau mỗi lần lọc																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CAPD	ND																																															
CRRT	ND																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	300mg/12h hoặc 600mg/24h																																															
< 30	300mg/24h																																															
HD	300mg/48h (hoặc 7mg/kg/48h) (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																																																					
Cefepim	Liều khởi đầu bằng liều cho người có chức năng thận bình thường, liều duy trì được hiệu chỉnh theo ClCr:																																																																																																																								
	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th colspan="4">Liều duy trì khuyến dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>0,5g /12h</td><td>1g /12h</td><td>2g/12h</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>30-60</td><td>0,5g /24h</td><td>1g /24h</td><td>2g/24h</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>0,5g /24h</td><td>0,5g /24h</td><td>1g/24h</td><td>2g/24h hoặc 1g/12h</td></tr><tr><td>< 11</td><td>0,25g /24h</td><td>0,25g /24h</td><td>0,25g/24h</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5g /48h</td><td>1g /48h</td><td>2g/48h</td><td>2g/48h</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td colspan="3">Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td colspan="3">Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày</td><td></td></tr><tr><td>CVVH/ CVVHD/ CVVHDF</td><td colspan="4">2g/8-12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyến dùng				> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g/12h	2g/8h	30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g/24h	2g/12h	11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g/24h	2g/24h hoặc 1g/12h	< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,25g/24h	1g/24h	CAPD	0,5g /48h	1g /48h	2g/48h	2g/48h	HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h	Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày				CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	2g/8-12h				<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>30-60</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>2g/48h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	2g/8h	30-60	2g/12h	11-29	2g/24h	< 10	1g/24h	HD	1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)	CAPD	2g/48h	CRRT	- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>30-60</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>< 11</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>1-2g sau lọc</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	2g/8h	30-60	2g/12h	11-29	2g/24h	< 11	1g/24h	HD	1-2g sau lọc	CVVH	2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài	CVVHD	+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)	CVVHDF	+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th colspan="4">Liều duy trì khuyến dùng, phụ thuộc mức độ NK</th></tr><tr><td>> 60</td><td>0,5g /12h</td><td>1g /12h</td><td>2g /12h</td><td>2g /8h</td></tr><tr><td>30-60</td><td>0,5g /24h</td><td>1g /24h</td><td>2g /24h</td><td>2g /12h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>0,5g /24h</td><td>0,5g /24h</td><td>1g /24h</td><td>2g /24h</td></tr><tr><td>< 11</td><td>0,25g /24h</td><td>0,25g /24h</td><td>0,5g /24h</td><td>1g /24h</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5g /48h</td><td>1g /24h</td><td>2g /48h</td><td>2g /48h</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td colspan="3">Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td colspan="3">Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày</td><td></td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyến dùng, phụ thuộc mức độ NK				> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g /12h	2g /8h	30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g /24h	2g /12h	11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g /24h	2g /24h	< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,5g /24h	1g /24h	CAPD	0,5g /48h	1g /24h	2g /48h	2g /48h	HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h	Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày			
	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyến dùng																																																																																																																							
	> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g/12h	2g/8h																																																																																																																				
	30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g/24h	2g/12h																																																																																																																				
	11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g/24h	2g/24h hoặc 1g/12h																																																																																																																				
	< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,25g/24h	1g/24h																																																																																																																				
	CAPD	0,5g /48h	1g /48h	2g/48h	2g/48h																																																																																																																				
	HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h																																																																																																																				
		Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày																																																																																																																							
CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	2g/8-12h																																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																								
> 60	2g/8h																																																																																																																								
30-60	2g/12h																																																																																																																								
11-29	2g/24h																																																																																																																								
< 10	1g/24h																																																																																																																								
HD	1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc) hoặc 2g sau lọc (3 lần/tuần)																																																																																																																								
CAPD	2g/48h																																																																																																																								
CRRT	- Liều phụ thuộc tốc độ thải trừ, tất cả phương thức: + 1L/h: 1g/8h + ≥ 2L/h: 1g/6h - CVVH/ CVVHD, UFR 30.1: 2g/8h (truyền trong 4h)																																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																								
> 60	2g/8h																																																																																																																								
30-60	2g/12h																																																																																																																								
11-29	2g/24h																																																																																																																								
< 11	1g/24h																																																																																																																								
HD	1-2g sau lọc																																																																																																																								
CVVH	2g/8h hoặc 1g/6h truyền kéo dài																																																																																																																								
CVVHD	+ Qd 20-25ml/kg/h: LD 2g, MD 1,5-1,75g/8h + Qd 30ml/kg/h: 2g/8h (truyền kéo dài)																																																																																																																								
CVVHDF	+ UF + Qd ≤ 1000ml/h: 1g/8h + UF + Qd ≥ 1500ml/h: 2g/8h hoặc 1g/6h																																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều duy trì khuyến dùng, phụ thuộc mức độ NK																																																																																																																								
> 60	0,5g /12h	1g /12h	2g /12h	2g /8h																																																																																																																					
30-60	0,5g /24h	1g /24h	2g /24h	2g /12h																																																																																																																					
11-29	0,5g /24h	0,5g /24h	1g /24h	2g /24h																																																																																																																					
< 11	0,25g /24h	0,25g /24h	0,5g /24h	1g /24h																																																																																																																					
CAPD	0,5g /48h	1g /24h	2g /48h	2g /48h																																																																																																																					
HD	Ngày đầu 1g, sau đó 500mg/24h			1g/24h																																																																																																																					
	Dùng sau khi lọc vào cùng thời điểm mỗi ngày																																																																																																																								
Cefixim	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>21 - 60</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>< 20</td><td rowspan="3">200mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td></tr><tr><td>CAPD</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	21 - 60	300mg/24h	< 20	200mg/24h	HD	CAPD	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 60</td><td>400mg/24h</td></tr><tr><td>21 - 60</td><td>260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)</td></tr><tr><td>≤ 20</td><td>200mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>200mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 60	400mg/24h	21 - 60	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)	≤ 20	200mg/24h	HD	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200mg/24h	CRRT	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>400mg/24h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>200mg/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	400mg/24h	10 - 50	300mg/24h	< 10	200mg/24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 60</td><td>400mg/24h</td></tr><tr><td>21 - 59 hoặc HD</td><td>300mg/24h</td></tr><tr><td>≤ 20 hoặc CAPD</td><td>200mg/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 60	400mg/24h	21 - 59 hoặc HD	300mg/24h	≤ 20 hoặc CAPD	200mg/24h																																																																													
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																							
	> 60	Không phải chỉnh liều																																																																																																																							
	21 - 60	300mg/24h																																																																																																																							
	< 20	200mg/24h																																																																																																																							
	HD																																																																																																																								
CAPD																																																																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																								
≥ 60	400mg/24h																																																																																																																								
21 - 60	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch)																																																																																																																								
≤ 20	200mg/24h																																																																																																																								
HD	260mg/24h (dùng dạng hỗn dịch, sau lọc vào ngày lọc)																																																																																																																								
CAPD	200mg/24h																																																																																																																								
CRRT	ND																																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																								
> 50	400mg/24h																																																																																																																								
10 - 50	300mg/24h																																																																																																																								
< 10	200mg/24h																																																																																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																																								
≥ 60	400mg/24h																																																																																																																								
21 - 59 hoặc HD	300mg/24h																																																																																																																								
≤ 20 hoặc CAPD	200mg/24h																																																																																																																								
Cefoperazon	- Suy thận: Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, BN nặng 6-12g/2-4 lần) - Suy gan + suy thận: 1 - 2g/24h - HD: ND	- Suy thận: Không phải chỉnh liều (1-2g/12h) (GFR < 18: tối đa 4g/24h)	Không phải chỉnh liều (NK nhẹ-trung bình: 1-2g/12h; NK nặng: 12g/24h/2-4 lần; Suy gan + suy thận: ≤ 2g/24h)	ND																																																																																																																					

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
		- HD: không phải chỉnh liều, dùng sau lọc vào ngày lọc - CAPD, CRRT: ND																																														
Cefoperazon + sulbactam	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h</td></tr><tr><td>15 - 30</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>< 15</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>1g/8h</td></tr></table> <i>Liều dùng được tính theo sulbactam.</i>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h	15 - 30	1g/12h	< 15	0,5g/12h	HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CRRT	1g/8h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 30</td><td>1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).</td></tr><tr><td>15 - 30</td><td>Tối đa 1g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)</td></tr><tr><td>< 15</td><td>Tối đa 0,5g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)</td></tr></table> <i>BN suy gan, suy thận đồng thời: ≤ 2g cefoperazon/24h.</i>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).	15 - 30	Tối đa 1g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)	< 15	Tối đa 0,5g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)	ND																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 30	0,5 - 1g/12h, tối đa 2g/12h																																															
15 - 30	1g/12h																																															
< 15	0,5g/12h																																															
HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																															
CRRT	1g/8h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 30	1-2g/12h (tính theo cefoperazon). Có thể tăng liều lên 8g/24h (tỷ lệ 1:1).																																															
15 - 30	Tối đa 1g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)																																															
< 15	Tối đa 0,5g/12h (<i>tính theo sulbactam</i>)																																															
Cefotaxim	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 20</td><td>- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày</td></tr><tr><td>< 20</td><td>Giảm nửa liều</td></tr><tr><td>≤ 5</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>Bổ sung thêm một liều sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 20	- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày	< 20	Giảm nửa liều	≤ 5	500mg/12h	HD	Bổ sung thêm một liều sau lọc	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 90</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>> 50-90</td><td>2g/8-12h</td></tr><tr><td>10-50</td><td>2g/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/24h + 1g sau lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5-1g/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>2g/12-24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	> 50-90	2g/8-12h	10-50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	HD	2g/24h + 1g sau lọc	CAPD	0,5-1g/24h	CRRT	2g/12-24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 90</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>51-90</td><td>2g/8-12h</td></tr><tr><td>10-50</td><td>2g/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>1-2g/8-12h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>1-2g/8h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>1-2g/6-8h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/24h + 1g sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	51-90	2g/8-12h	10-50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	CVVH	1-2g/8-12h	CVVHD	1-2g/8h	CVVHDF	1-2g/6-8h	HD	2g/24h + 1g sau lọc	ND
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 20	- NK không nghiêm trọng: 1g/12h - NK trung bình đến nặng: 1-2g/8h - NK nặng: 2-3g/6-8h, tối đa 12g/ngày																																															
< 20	Giảm nửa liều																																															
≤ 5	500mg/12h																																															
HD	Bổ sung thêm một liều sau lọc																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 90	2g/8h																																															
> 50-90	2g/8-12h																																															
10-50	2g/12-24h																																															
< 10	2g/24h																																															
HD	2g/24h + 1g sau lọc																																															
CAPD	0,5-1g/24h																																															
CRRT	2g/12-24h																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 90	2g/8h																																															
51-90	2g/8-12h																																															
10-50	2g/12-24h																																															
< 10	2g/24h																																															
CVVH	1-2g/8-12h																																															
CVVHD	1-2g/8h																																															
CVVHDF	1-2g/6-8h																																															
HD	2g/24h + 1g sau lọc																																															
Cefotiam	- Đường uống: ClCr > 20ml/ph không phải chỉnh liều, tuy nhiên không được vượt quá 400mg/24h. - Đường tiêm: ND.	ND	ND	ND																																												
Cefpirom	- LD 1-2g, MD như sau: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>LD: 1g</th><th>LD: 2g</th></tr><tr><td>≥ 50</td><td colspan="2">Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)</td></tr><tr><td>20 - 50</td><td>0,5g/12h</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>5 - 20</td><td>0,5g/24h</td><td>1g/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g	≥ 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)		20 - 50	0,5g/12h	1g/12h	5 - 20	0,5g/24h	1g/24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	2g/12h	10 - 50	1g/12h	< 10	1g/24h	HD	1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)	ND	ND																						
ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g																																														
≥ 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/12h, NK nặng: 2g/12h)																																															
20 - 50	0,5g/12h	1g/12h																																														
5 - 20	0,5g/24h	1g/24h																																														
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
> 50	2g/12h																																															
10 - 50	1g/12h																																															
< 10	1g/24h																																															
HD	1g/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022			Sanford guide (update 12.2025)		HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																			
	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>LD: 1g</th><th>LD: 2g</th></tr><tr><td>< 5 (hoặc HD)</td><td>0,5g/24h + 0,25g ngay sau lọc</td><td>1g/24h + 0,5g ngay sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g	< 5 (hoặc HD)	0,5g/24h + 0,25g ngay sau lọc	1g/24h + 0,5g ngay sau lọc			<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5g x 3 lần/tuần</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>LD: 2g, MD 1g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	CAPD	0,5g x 3 lần/tuần	CRRT	LD: 2g, MD 1g/12h																																										
ClCr (ml/ph)	LD: 1g	LD: 2g																																																								
< 5 (hoặc HD)	0,5g/24h + 0,25g ngay sau lọc	1g/24h + 0,5g ngay sau lọc																																																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
CAPD	0,5g x 3 lần/tuần																																																									
CRRT	LD: 2g, MD 1g/12h																																																									
Ceftazidim	<div>- LD: 1g - MD được hiệu chỉnh như sau:<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>31 - 50</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>16 - 30</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>6 - 15</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>< 5</td><td>0,5g/48h</td></tr></table> BN NK nặng tăng 50% liều hoặc khoảng cách đưa liều.</div>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	31 - 50	1g/12h	16 - 30	1g/24h	6 - 15	0,5g/24h	< 5	0,5g/48h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều (1-2g/8-12h)</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>1-2g/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>1-2g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5-1g/24h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>1-2g/8-12h</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>ND</td></tr><tr><td>SLED</td><td>2g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/8-12h)	10 - 50	1-2g/12-24h	< 10	1-2g/24h	HD	0,5-1g/24h, dùng sau lọc vào ngày lọc	CRRT	1-2g/8-12h	CAPD	ND	SLED	2g/12h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1-2g/8-12h</td></tr><tr><td>10 – 50</td><td>1-2g/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>1-2g/24h</td></tr><tr><td>CVVH, CVVHD</td><td>1-2g/8-12h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>2,5g/8h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1-2g/8-12h	10 – 50	1-2g/12-24h	< 10	1-2g/24h	CVVH, CVVHD	1-2g/8-12h	CVVHDF	2,5g/8h	HD	2g sau lọc	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1 - 2g/8 - 12h</td></tr><tr><td>31 - 50</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>16 - 30</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>6 - 15</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>< 5</td><td>0,5g/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>LD 1g, sau đó 1g sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1 - 2g/8 - 12h	31 - 50	1g/12h	16 - 30	1g/24h	6 - 15	0,5g/24h	< 5	0,5g/48h	HD	LD 1g, sau đó 1g sau lọc
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
31 - 50	1g/12h																																																									
16 - 30	1g/24h																																																									
6 - 15	0,5g/24h																																																									
< 5	0,5g/48h																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
> 50	Không phải chỉnh liều (1-2g/8-12h)																																																									
10 - 50	1-2g/12-24h																																																									
< 10	1-2g/24h																																																									
HD	0,5-1g/24h, dùng sau lọc vào ngày lọc																																																									
CRRT	1-2g/8-12h																																																									
CAPD	ND																																																									
SLED	2g/12h																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
> 50	1-2g/8-12h																																																									
10 – 50	1-2g/12-24h																																																									
< 10	1-2g/24h																																																									
CVVH, CVVHD	1-2g/8-12h																																																									
CVVHDF	2,5g/8h																																																									
HD	2g sau lọc																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
> 50	1 - 2g/8 - 12h																																																									
31 - 50	1g/12h																																																									
16 - 30	1g/24h																																																									
6 - 15	0,5g/24h																																																									
< 5	0,5g/48h																																																									
HD	LD 1g, sau đó 1g sau lọc																																																									
Ceftazidim + avibactam	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>2,5g/8h</td></tr><tr><td>31 - 50</td><td>1,25g/8h</td></tr><tr><td>16 - 30</td><td>0,94g/12h</td></tr><tr><td>6 - 15 (± HD)</td><td>0,94g/24h</td></tr><tr><td>≤ 5 (± HD)</td><td>0,94g/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>ClCr ≤ 15 trong HD: dùng sau lọc vào ngày lọc</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>1,25g/8h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>2,5g/8h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	2,5g/8h	31 - 50	1,25g/8h	16 - 30	0,94g/12h	6 - 15 (± HD)	0,94g/24h	≤ 5 (± HD)	0,94g/48h	HD	ClCr ≤ 15 trong HD: dùng sau lọc vào ngày lọc	CVVH	1,25g/8h	CVVHDF	2,5g/8h	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 50</td><td>2,5g/8h</td></tr><tr><td>31 - 50</td><td>1,25g/8h</td></tr><tr><td>16 - 30</td><td>0,94g/12h</td></tr><tr><td>6 - 15 (± HD)</td><td>0,94g/24h</td></tr><tr><td>≤ 5 (± HD)</td><td>0,94g/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>dùng sau lọc vào ngày lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 50	2,5g/8h	31 - 50	1,25g/8h	16 - 30	0,94g/12h	6 - 15 (± HD)	0,94g/24h	≤ 5 (± HD)	0,94g/48h	HD	dùng sau lọc vào ngày lọc																						
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
> 50	2,5g/8h																																																									
31 - 50	1,25g/8h																																																									
16 - 30	0,94g/12h																																																									
6 - 15 (± HD)	0,94g/24h																																																									
≤ 5 (± HD)	0,94g/48h																																																									
HD	ClCr ≤ 15 trong HD: dùng sau lọc vào ngày lọc																																																									
CVVH	1,25g/8h																																																									
CVVHDF	2,5g/8h																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																									
≥ 50	2,5g/8h																																																									
31 - 50	1,25g/8h																																																									
16 - 30	0,94g/12h																																																									
6 - 15 (± HD)	0,94g/24h																																																									
≤ 5 (± HD)	0,94g/48h																																																									
HD	dùng sau lọc vào ngày lọc																																																									

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																							
Ceftibuten	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 50</td><td>400mg/24h</td></tr><tr><td>30-49</td><td>4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 50	400mg/24h	30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h	5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h	HD	400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>400mg/24h</td></tr><tr><td>10-50</td><td>200mg/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>100mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>100mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	400mg/24h	10-50	200mg/24h	< 10	100mg/24h	HD	100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	100mg/24h	CRRT	ND	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h</td></tr><tr><td>30-49</td><td>4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h	30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h	5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h	HD	400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc					
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
≥ 50	400mg/24h																																										
30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h																																										
5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h																																										
HD	400mg hoặc 9mg/kg hỗn dịch uống (liều tối đa 400mg) vào cuối mỗi lần lọc																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 50	400mg/24h																																										
10-50	200mg/24h																																										
< 10	100mg/24h																																										
HD	100mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																										
CAPD	100mg/24h																																										
CRRT	ND																																										
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 50	9mg/kg/24h hoặc 400mg/24h																																										
30-49	4,5mg/kg/24h hoặc 200mg/24h																																										
5-29	2,25mg/kg/24h hoặc 100mg/24h																																										
HD	400mg hoặc 9mg/kg (tối đa 400mg), PO sau mỗi lần lọc																																										
Ceftizoxim	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 90</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>50 - 90</td><td>2g/8-12h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>2g/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/24h + 1 g sau lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5-1g/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>2g/12-24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	2g/8h	50 - 90	2g/8-12h	10 - 50	2g/12-24h	< 10	2g/24h	HD	2g/24h + 1 g sau lọc	CAPD	0,5-1g/24h	CRRT	2g/12-24h	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Chức năng thận</th><th>NK nhẹ</th><th>NK đe dọa tính mạng</th></tr><tr><td>50-79</td><td>Suy thận nhẹ</td><td>0,5g/8h</td><td>0,75-1,5g /8h</td></tr><tr><td>5-49</td><td>Suy thận trung bình - nặng</td><td>0,25 - 0,5g /12h</td><td>0,5-1g /12h</td></tr><tr><td>0-4</td><td>HD</td><td>0,5g /48h hoặc 0,25g /24h</td><td>0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Chức năng thận	NK nhẹ	NK đe dọa tính mạng	50-79	Suy thận nhẹ	0,5g/8h	0,75-1,5g /8h	5-49	Suy thận trung bình - nặng	0,25 - 0,5g /12h	0,5-1g /12h	0-4	HD	0,5g /48h hoặc 0,25g /24h	0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h							
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																										
> 90	2g/8h																																										
50 - 90	2g/8-12h																																										
10 - 50	2g/12-24h																																										
< 10	2g/24h																																										
HD	2g/24h + 1 g sau lọc																																										
CAPD	0,5-1g/24h																																										
CRRT	2g/12-24h																																										
ClCr (ml/ph)	Chức năng thận	NK nhẹ	NK đe dọa tính mạng																																								
50-79	Suy thận nhẹ	0,5g/8h	0,75-1,5g /8h																																								
5-49	Suy thận trung bình - nặng	0,25 - 0,5g /12h	0,5-1g /12h																																								
0-4	HD	0,5g /48h hoặc 0,25g /24h	0,5-1g /48h hoặc 0,5g/24h																																								
Ceftolozan + tazobactam	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>IAI/UTI</th><th>HAP/VAP</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1,5g/8h</td><td>3g/8h</td></tr><tr><td>30 - 50</td><td>0,75g/8h</td><td>1,5g/8h</td></tr><tr><td>15 - 29</td><td>0,375g/8h</td><td>0,75g/8h</td></tr><tr><td>< 15 và có HD</td><td colspan="2">Xem phần HD</td></tr><tr><td>HD</td><td>LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)</td><td>LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td colspan="2">ND</td></tr><tr><td>CRRT</td><td colspan="2">CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	IAI/UTI	HAP/VAP	> 50	1,5g/8h	3g/8h	30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h	15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h	< 15 và có HD	Xem phần HD		HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)	LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)	CAPD	ND		CRRT	CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h		ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>cIAI/cUTI</th><th>HAP/VAP</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1,5g/8h</td><td>3g/8h</td></tr><tr><td>30 - 50</td><td>0,75g/8h</td><td>1,5g/8h</td></tr><tr><td>15 - 29</td><td>0,375g/8h</td><td>0,75g/8h</td></tr><tr><td>Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD</td><td>LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td><td>LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	cIAI/cUTI	HAP/VAP	> 50	1,5g/8h	3g/8h	30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h	15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h	Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc	LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc
ClCr (ml/ph)	IAI/UTI	HAP/VAP																																									
> 50	1,5g/8h	3g/8h																																									
30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h																																									
15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h																																									
< 15 và có HD	Xem phần HD																																										
HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h (sau lọc)	LD: 2,25g, MD: 0,45g/8h (sau lọc)																																									
CAPD	ND																																										
CRRT	CVVHDF: 3g, sau đó 0,75g/8h																																										
ClCr (ml/ph)	cIAI/cUTI	HAP/VAP																																									
> 50	1,5g/8h	3g/8h																																									
30 - 50	0,75g/8h	1,5g/8h																																									
15 - 29	0,375g/8h	0,75g/8h																																									
Bệnh thận mạn giai đoạn cuối đang HD	LD: 0,75g, MD: 0,15g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc	LD: 0,25g, MD: 0,45g/8h, dùng sau lọc vào ngày lọc																																									
Ceftriaxon	ND	Không phải chỉnh liều (1 - 2g/12 - 24h).	- Không phải chỉnh liều (1 - 2g/24h, BN nặng 2g/12h).	Không phải chỉnh liều																																							

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																														
			- CVVH, CVVHD, CVVHDF: 1 - 2g/12h. - HD: 1 - 2g/12 - 24h.																																																															
Cefuroxim	Đường tiêm:	Đường tiêm:	Đường tiêm:	Đường tiêm:																																																														
	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 20</td><td>0,75 - 1,5g/6 - 8h</td></tr><tr><td>10 - 20</td><td>0,75g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,75g /24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,75g/sau lọc</td></tr><tr><td>APD</td><td>0,75g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 20	0,75 - 1,5g/6 - 8h	10 - 20	0,75g/12h	< 10	0,75g /24h	HD	0,75g/sau lọc	APD	0,75g/12h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,75 - 1,5g/8h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>0,75 - 1,5g/8 - 12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,75 - 1,5g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,75 - 1,5g/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>0,75 - 1,5g/8-12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,75 - 1,5g/8h	10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h	< 10	0,75 - 1,5g/24h	HD	0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,75 - 1,5g/24h	CRRT	0,75 - 1,5g/8-12h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,75 - 1,5g/8h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>0,75 - 1,5g/8 - 12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,75 - 1,5g/24h</td></tr></table> Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>10 - 29</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5g/48h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,75 - 1,5g/8h	10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h	< 10	0,75 - 1,5g/24h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	0,5g/12h	10 - 29	0,5g/24h	< 10	0,5g/48h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 20</td><td>0,75 - 1,5g/8h</td></tr><tr><td>10 - 20</td><td>0,75g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,75g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc</td></tr></table> Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>250 - 500mg/12h</td></tr><tr><td>10 - 30</td><td>250 - 500mg/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>250 - 500mg/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 20	0,75 - 1,5g/8h	10 - 20	0,75g/12h	< 10	0,75g/24h	HD	0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	250 - 500mg/12h	10 - 30	250 - 500mg/12h	< 10	250 - 500mg/48h	HD	Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																
	> 20	0,75 - 1,5g/6 - 8h																																																																
	10 - 20	0,75g/12h																																																																
< 10	0,75g /24h																																																																	
HD	0,75g/sau lọc																																																																	
APD	0,75g/12h																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	0,75 - 1,5g/8h																																																																	
10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h																																																																	
< 10	0,75 - 1,5g/24h																																																																	
HD	0,75 - 1,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																	
CAPD	0,75 - 1,5g/24h																																																																	
CRRT	0,75 - 1,5g/8-12h																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	0,75 - 1,5g/8h																																																																	
10 - 50	0,75 - 1,5g/8 - 12h																																																																	
< 10	0,75 - 1,5g/24h																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
≥ 30	0,5g/12h																																																																	
10 - 29	0,5g/24h																																																																	
< 10	0,5g/48h																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 20	0,75 - 1,5g/8h																																																																	
10 - 20	0,75g/12h																																																																	
< 10	0,75g/24h																																																																	
HD	0,75g/24h, thêm 1 liều 0,75g vào cuối phiên lọc																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
≥ 30	250 - 500mg/12h																																																																	
10 - 30	250 - 500mg/12h																																																																	
< 10	250 - 500mg/48h																																																																	
HD	Thêm một liều 250 - 500mg vào cuối mỗi phiên lọc																																																																	
	Đường uống: ND.	Đường uống:																																																																
		<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>250 - 500mg/12h</td></tr><tr><td>10 - 29</td><td>250 - 500mg/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>250 - 500mg/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>250 - 500mg/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	250 - 500mg/12h	10 - 29	250 - 500mg/24h	< 10	250 - 500mg/48h	HD	250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc	CAPD	250 - 500mg/24h																																																				
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
≥ 30	250 - 500mg/12h																																																																	
10 - 29	250 - 500mg/24h																																																																	
< 10	250 - 500mg/48h																																																																	
HD	250 - 500mg/48h, thêm 1 liều 250 - 500mg sau lọc																																																																	
CAPD	250 - 500mg/24h																																																																	
Cefalexin	- ClCr > 40ml/ph: Không phải chỉnh liều - ClCr < 40ml/ph: liều đầu tiên bằng liều thông thường, sau đó chỉnh liều theo ClCr:		ND																																																															
	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng (mg)</th><th>Cách dùng</th></tr><tr><td>11 - 40</td><td>500</td><td>8-12h/lần</td></tr><tr><td>5 - 10</td><td>250</td><td>12h/lần</td></tr><tr><td>< 5</td><td>250</td><td>12-24h/lần</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)		Liều dùng (mg)	Cách dùng	11 - 40	500	8-12h/lần	5 - 10	250	12h/lần	< 5	250	12-24h/lần	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>250-1000mg/6h</td></tr><tr><td>10-50</td><td>250-1000mg/8-12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>250-1000mg/24-48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>250-500mg/12-24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-1000mg/6h	10-50	250-1000mg/8-12h	< 10	250-1000mg/24-48h	HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/12-24h	CRRT	ND																																					
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng (mg)		Cách dùng																																																														
	11 - 40	500		8-12h/lần																																																														
	5 - 10	250		12h/lần																																																														
< 5	250	12-24h/lần																																																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	250-1000mg/6h																																																																	
10-50	250-1000mg/8-12h																																																																	
< 10	250-1000mg/24-48h																																																																	
HD	250-500mg/12-24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																	
CAPD	250-500mg/12-24h																																																																	
CRRT	ND																																																																	

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																						
Ciprofloxacin	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>30 - 50</td><td>PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>< 30</td><td>Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	30 - 50	PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều	< 30	Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h	5-29	PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h	- Đường uống (non-XR): <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>250-750mg/12h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>250-500mg/12h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>250-500mg/18h</td></tr><tr><td>HD</td><td>250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>250-500mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>250-500mg/12h</td></tr></table> - Đường tiêm: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>200-400mg/8-12h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>200-400mg/18-24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>200-400mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>200-400mg/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	250-500mg/18h	HD	250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	250-500mg/24h	CRRT	250-500mg/12h	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	200-400mg/8-12h	5-29	200-400mg/18-24h	HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200-400mg/24h	CRRT	200-400mg/12h	- Đường uống (non-XR): <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>250-750mg/12h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>250-500mg/12h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>500-750mg/24h</td></tr><tr><td>< 5, không lọc máu</td><td>ND</td></tr></table> - Đường tiêm: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>200-400mg/8-12h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>200-400mg/18-24h</td></tr><tr><td>< 5, không lọc máu</td><td>ND</td></tr><tr><td>HD</td><td>200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>400mg/12h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>400mg/12h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>400mg/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	500-750mg/24h	< 5, không lọc máu	ND	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	200-400mg/8-12h	5-29	200-400mg/18-24h	< 5, không lọc máu	ND	HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CVVH	400mg/12h	CVVHD	400mg/12h	CVVHDF	400mg/12h	- Đường uống (non-XR): <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>250-750mg/12h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>250-500mg/12h</td></tr><tr><td>5-29</td><td>250-500mg/18h</td></tr><tr><td>HD hoặc PD</td><td>250-500mg/24h (dùng sau lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	250-750mg/12h	30-50	250-500mg/12h	5-29	250-500mg/18h	HD hoặc PD	250-500mg/24h (dùng sau lọc)
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																								
	30 - 50	PO: 250 - 500mg/12h IV: không phải chỉnh liều																																																																								
	< 30	Viêm bàng quang cấp không biến chứng, uống viên giải phóng chậm: 500mg/24h																																																																								
5-29	PO: 250 - 500mg/18h IV: 200 - 400mg/18-24h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	250-500mg/18h																																																																									
HD	250-500mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	250-500mg/24h																																																																									
CRRT	250-500mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
≥ 30	200-400mg/8-12h																																																																									
5-29	200-400mg/18-24h																																																																									
HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	200-400mg/24h																																																																									
CRRT	200-400mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	500-750mg/24h																																																																									
< 5, không lọc máu	ND																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
≥ 30	200-400mg/8-12h																																																																									
5-29	200-400mg/18-24h																																																																									
< 5, không lọc máu	ND																																																																									
HD	200-400mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CVVH	400mg/12h																																																																									
CVVHD	400mg/12h																																																																									
CVVHDF	400mg/12h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	250-750mg/12h																																																																									
30-50	250-500mg/12h																																																																									
5-29	250-500mg/18h																																																																									
HD hoặc PD	250-500mg/24h (dùng sau lọc)																																																																									
Clarithromycin	<p>- Liều thông thường:</p> <p>Đường uống: 250-500mg/12h hoặc viên giải phóng kéo dài 1g/24h.</p> <p>Đường tiêm: 500mg/12h.</p> <p>- ClCr ≥ 30ml/ph : Không phải chỉnh liều</p> <p>- ClCr < 30ml/ph: Dùng ½ liều bình thường hoặc kéo dài gấp đôi khoảng cách giữa các lần cho thuốc.</p>	- Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>500mg/12 - 24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>500mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>500mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>500mg/12 -24h</td></tr></table> - Đường tiêm: ND	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/12h	10 - 50	500mg/12 - 24h	< 10	500mg/24h	HD	500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	500mg/24h	CRRT	500mg/12 -24h	- Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>0,5g/12 - 24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5g/24h</td></tr></table> - Đường tiêm: ND	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5g/12h	10 - 50	0,5g/12 - 24h	< 10	0,5g/24h	- Đường uống: <p>+ Liều ở BN không suy thận: 250 - 500mg/12h (NK thông thường); 500mg/8 - 12h (nhiễm <i>Mycobacterium</i> và <i>Helicobacter pylori</i>).</p> <p>+ Suy thận: ClCr < 30ml/ph: Giảm 50% liều hoặc kéo dài gấp đôi khoảng đưa liều.</p> - Đường tiêm: ND																																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	500mg/12h																																																																									
10 - 50	500mg/12 - 24h																																																																									
< 10	500mg/24h																																																																									
HD	500mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																																									
CAPD	500mg/24h																																																																									
CRRT	500mg/12 -24h																																																																									
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																									
> 50	0,5g/12h																																																																									
10 - 50	0,5g/12 - 24h																																																																									
< 10	0,5g/24h																																																																									
Clindamycin	<p>- Suy thận nhẹ đến vừa: Không phải chỉnh liều.</p> <p>- Suy thận nặng: nên giảm liều.</p>	Không phải chỉnh liều (900mg/8h, IV hoặc 150 - 450mg/6h, PO).	Không phải chỉnh liều (IV: 600 - 900mg/8h, có thể tăng lên 900mg/6h; PO: 150 - 450mg/6 - 8h).	Không phải chỉnh liều																																																																						

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																
Doripenem	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>500mg/8h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>250mg/8h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>250mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>ND</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/8h	30-50	250mg/8h	11-29	250mg/12h	HD	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>500mg/8h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>250mg/8h</td></tr><tr><td>10-30</td><td>250mg/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>ND</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>500mg/8h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	500mg/8h	30-50	250mg/8h	10-30	250mg/12h	< 10	ND	CRRT	500mg/8h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,5g/8h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>0,25g/8h</td></tr><tr><td>10-29</td><td>0,25g/12h</td></tr><tr><td><10</td><td>ND</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,25g/12-24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5g/8h	30-50	0,25g/8h	10-29	0,25g/12h	<10	ND	CVVH	0,5-1g/8h	CVVHD	0,5-1g/8h	CVVHDF	0,5-1g/8h	HD	0,25g/12-24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>30-50</td><td>0,25g/8h</td></tr><tr><td>11-29</td><td>0,25g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5-1g/8h	30-50	0,25g/8h	11-29	0,25g/12h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	500mg/8h																																																			
30-50	250mg/8h																																																			
11-29	250mg/12h																																																			
HD	ND																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	500mg/8h																																																			
30-50	250mg/8h																																																			
10-30	250mg/12h																																																			
< 10	ND																																																			
CRRT	500mg/8h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	0,5g/8h																																																			
30-50	0,25g/8h																																																			
10-29	0,25g/12h																																																			
<10	ND																																																			
CVVH	0,5-1g/8h																																																			
CVVHD	0,5-1g/8h																																																			
CVVHDF	0,5-1g/8h																																																			
HD	0,25g/12-24h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	0,5-1g/8h																																																			
30-50	0,25g/8h																																																			
11-29	0,25g/12h																																																			
Doxycyclin	<p>- Thường không phải chỉnh liều</p> <p>- Ngày đầu tiên, 100mg/12h, tiếp theo là 100mg/24h. Nếu NK nặng, duy trì liều 100mg/12h.</p>	Không phải chỉnh liều	Không phải chỉnh liều: 100mg/12h	Không phải chỉnh liều																																																
Ertapenem	<p>- ClCr > 30ml/ph/1,73m²: Không phải chỉnh liều.</p> <p>- ClCr ≤ 30ml/ph/1,73m²: 500mg/24h.</p> <p>- HD: 500mg/24h</p> <p>+ Thời gian dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc.</p> <p>+ Thời gian dùng trước HD > 6h: Không phải bổ sung.</p> <p>- CAPD: ND</p>	<table><tr><th>ClCr (ml/ph/1,73m²)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 30</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>≤ 30</td><td>500mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>500mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>0,5-1g/24h</td></tr><tr><td>SLED</td><td>1g/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph/1,73m ²)	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	500mg/24h	HD	500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc	CAPD	500mg/24h	CRRT	0,5-1g/24h	SLED	1g/24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 30</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>≤ 30</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>0,5 - 1g/24h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>0,5g/12h hoặc 1g/24h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>0,5g/12h hoặc 1g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	0,5g/24h	CVVH	0,5 - 1g/24h	CVVHD	0,5g/12h hoặc 1g/24h	CVVHDF	0,5g/12h hoặc 1g/24h	HD	0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 30</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>≤ 30</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD > 6h: Không bổ sung.</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	1g/24h	≤ 30	0,5g/24h	HD	500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD > 6h: Không bổ sung.												
ClCr (ml/ph/1,73m ²)	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	500mg/24h																																																			
HD	500mg/24h bổ sung 150mg sau lọc nếu dùng thuốc ≤ 6h trước lọc; hoặc 500mg x 3 lần/tuần sau lọc																																																			
CAPD	500mg/24h																																																			
CRRT	0,5-1g/24h																																																			
SLED	1g/24h																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	0,5g/24h																																																			
CVVH	0,5 - 1g/24h																																																			
CVVHD	0,5g/12h hoặc 1g/24h																																																			
CVVHDF	0,5g/12h hoặc 1g/24h																																																			
HD	0,5g/24h, bổ sung 150mg sau lọc nếu đã dùng thuốc ≤ 6 giờ trước lọc; hoặc 0,5g x 3 lần/tuần sau lọc; hoặc 1g sau lọc																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 30	1g/24h																																																			
≤ 30	0,5g/24h																																																			
HD	500mg/24h + Dùng trước HD ≤ 6h: bổ sung 150mg sau lọc. + Dùng trước HD > 6h: Không bổ sung.																																																			

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																
Fluconazol	- Liều đơn: không phải chỉnh liều - Đa liều: giữ nguyên liều đầu, liều sau hiệu chỉnh theo ClCr: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/ liều thông thường</th></tr><tr><td>> 50</td><td>100%</td></tr><tr><td>< 50, không HD</td><td>50%</td></tr><tr><td>HD</td><td>+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	< 50, không HD	50%	HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)</td></tr><tr><td>≤ 50</td><td>50-200mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>50-200mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo</td></tr><tr><td>SLED</td><td>800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)	≤ 50	50-200mg/24h	HD	50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	50-200mg/24h	CRRT	Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo	SLED	800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)	Liều thông thường: 100 - 400mg/24h. (LD = 2 x MD) Nhiễm khuẩn huyết do Candida: + LD: 800mg (12mg/kg) + MD: 400mg (6mg/kg) <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/ liều thông thường</th></tr><tr><td>> 50</td><td>100%</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>50 - 100%</td></tr><tr><td>< 10</td><td>50%</td></tr></table> BN lọc máu: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>CVVH</td><td>LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>400-800mg/24h</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>800mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	10 - 50	50 - 100%	< 10	50%	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	CVVH	LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h	CVVHD	400-800mg/24h	CVVHDF	800mg/24h	HD	50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)	- Liều đơn: không phải chỉnh liều - Đa liều: giữ nguyên liều đầu, liều sau hiệu chỉnh theo ClCr: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/ liều thông thường</th></tr><tr><td>> 50</td><td>100%</td></tr><tr><td>< 50, không HD</td><td>50%</td></tr><tr><td>HD</td><td>+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường	> 50	100%	< 50, không HD	50%	HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																		
	> 50	100%																																																		
	< 50, không HD	50%																																																		
HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
> 50	Không phải chỉnh liều (100-400mg/24h)																																																			
≤ 50	50-200mg/24h																																																			
HD	50-200mg/24h (vào ngày không lọc), 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																			
CAPD	50-200mg/24h																																																			
CRRT	Ít nhất 2 lần liều khuyến cáo																																																			
SLED	800mg sau đó 400mg/12h (hoặc trước/sau SLED)																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																			
> 50	100%																																																			
10 - 50	50 - 100%																																																			
< 10	50%																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																			
CVVH	LD: 12mg/kg, MD: 3-6mg/kg/24h																																																			
CVVHD	400-800mg/24h																																																			
CVVHDF	800mg/24h																																																			
HD	50-200mg/24h (ngày không lọc); 100-400mg/24h (sau lọc vào ngày lọc)																																																			
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/ liều thông thường																																																			
> 50	100%																																																			
< 50, không HD	50%																																																			
HD	+ 100% sau lọc + 50% liều vào ngày không lọc nếu ClCr < 50																																																			
Fosfomycin	Đường tiêm - Liều thông thường: + Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h). + NK tiết niệu có biến chứng: 12 - 16g/24h (mỗi 8 - 12h). + Các chỉ định còn lại: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h). - Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g.	Đường tiêm - Liều thông thường: + Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h). + Các chỉ định khác: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h). - Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g. - Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.	Đường tiêm - Liều thông thường: + Viêm màng não: 16 - 24g/24h (mỗi 6 - 8h). + Các chỉ định khác: 12 - 24g/24h (mỗi 8 - 12h). - Liều đầu tiên: Không phải hiệu chỉnh, tối đa 8g. - Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.	ND																																																

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																												
	<p>- Liều duy trì: Hiệu chỉnh theo tỷ lệ so với tổng liều trên BN có chức năng thận bình thường.</p> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/liều thông thường</th></tr><tr><td>40</td><td>70% (chia 2 - 3 lần)</td></tr><tr><td>30</td><td>60% (chia 2 - 3 lần)</td></tr><tr><td>20</td><td>40% (chia 2 - 3 lần)</td></tr><tr><td>10</td><td>20% (chia 1 - 2 lần)</td></tr></table> <p>- CVVH: + pha loãng sau quả lọc: không phải chỉnh liều. + pha loãng trước quả lọc: ND. - HD: 2g/48h (sau lọc) Đường uống: ND.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	40	70% (chia 2 - 3 lần)	30	60% (chia 2 - 3 lần)	20	40% (chia 2 - 3 lần)	10	20% (chia 1 - 2 lần)	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/liều thông thường</th></tr><tr><td>> 40</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>> 30 - 40</td><td>70% (mỗi 8 - 12h)</td></tr><tr><td>> 20 - 30</td><td>60% (mỗi 8 - 12h)</td></tr><tr><td>> 10 - 20</td><td>40% (mỗi 8 - 12h)</td></tr><tr><td>≤ 10</td><td>20% (mỗi 12 - 24h)</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/48h (sau lọc)</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)</td></tr><tr><td>SLED</td><td>5g/8h hoặc liều đầu 8g, sau đó 5g sau SLED</td></tr></table> <p>Đường uống: + ClCr ≥ 10ml/ph: 3g/lần. + ClCr < 10ml/ph: tránh dùng.</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	> 40	Không phải chỉnh liều	> 30 - 40	70% (mỗi 8 - 12h)	> 20 - 30	60% (mỗi 8 - 12h)	> 10 - 20	40% (mỗi 8 - 12h)	≤ 10	20% (mỗi 12 - 24h)	HD	2g/48h (sau lọc)	CVVH	Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)	SLED	5g/8h hoặc liều đầu 8g, sau đó 5g sau SLED	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng/liều thông thường</th></tr><tr><td>> 40 - 80</td><td>Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.</td></tr><tr><td>> 30 - 40</td><td>70% (chia 1 - 2 lần)</td></tr><tr><td>> 20 - 30</td><td>60% (chia 1 - 2 lần)</td></tr><tr><td>> 10 - 20</td><td>40% (chia 1 - 2 lần)</td></tr><tr><td>10</td><td>20% (chia 1 - 2 lần)</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/48h (Sau lọc)</td></tr></table> <p>Đường uống: ND</p>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường	> 40 - 80	Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.	> 30 - 40	70% (chia 1 - 2 lần)	> 20 - 30	60% (chia 1 - 2 lần)	> 10 - 20	40% (chia 1 - 2 lần)	10	20% (chia 1 - 2 lần)	CVVH	Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND	HD	2g/48h (Sau lọc)	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường																																															
40	70% (chia 2 - 3 lần)																																															
30	60% (chia 2 - 3 lần)																																															
20	40% (chia 2 - 3 lần)																																															
10	20% (chia 1 - 2 lần)																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường																																															
> 40	Không phải chỉnh liều																																															
> 30 - 40	70% (mỗi 8 - 12h)																																															
> 20 - 30	60% (mỗi 8 - 12h)																																															
> 10 - 20	40% (mỗi 8 - 12h)																																															
≤ 10	20% (mỗi 12 - 24h)																																															
HD	2g/48h (sau lọc)																																															
CVVH	Không phải chỉnh liều (dữ liệu hạn chế)																																															
SLED	5g/8h hoặc liều đầu 8g, sau đó 5g sau SLED																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng/liều thông thường																																															
> 40 - 80	Không phải chỉnh liều, nhưng cần theo dõi, đặc biệt khi liều gần mức tối đa.																																															
> 30 - 40	70% (chia 1 - 2 lần)																																															
> 20 - 30	60% (chia 1 - 2 lần)																																															
> 10 - 20	40% (chia 1 - 2 lần)																																															
10	20% (chia 1 - 2 lần)																																															
CVVH	Bù dịch sau màng: không phải chỉnh liều; Bù dịch trước màng: ND																																															
HD	2g/48h (Sau lọc)																																															
Gentamicin	<p>- <i>Liều thông thường:</i> + Với phác đồ dùng nhiều lần/ngày: 3mg/kg/ngày, chia 3 lần (5mg/kg/ngày chia làm 3-4 lần trong trường hợp NK nặng đe dọa tính mạng). + Với phác đồ dùng 1 lần/ngày: liều khởi đầu 5-7mg/kg, MD hiệu chỉnh theo nồng độ thuốc trong máu. - Đối với BN suy thận, hiệu chỉnh bằng cách giữ nguyên liều và tăng khoảng cách đưa liều theo ClCr (ml/ph): + ClCr > 70: 8h/lần + ClCr 30-70: 12h/lần + ClCr 10-29: 24h/lần + ClCr 5-9: 48h/lần</p>	<p>- CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc): 0,6mg/kg/24h, IP. Gram (-): - ClCr > 50ml/ph: 1,7-2mg/kg/8h. - ClCr 10-50ml/ph: 1,7-2mg/kg/12-24h. - ClCr < 10ml/ph: 1,7-2mg/kg/48h. - HD: 1,7-2mg/kg/48h, bổ sung 0,85-1mg/kg sau lọc. - CRRT: 1,7-2mg/kg/24h. - SLED: 6mg/kg/48h (dùng 30 phút trước khi lọc). Gram (+): - ClCr ≥ 60ml/ph: 1mg/kg/8h.</p>	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 80</td><td>7mg/kg/24h</td></tr><tr><td>60-79</td><td>5mg/kg/24h</td></tr><tr><td>40-59</td><td>4mg/kg/24h</td></tr><tr><td>30-39</td><td>5mg/kg/48h</td></tr><tr><td>20-29</td><td>4mg/kg/48h</td></tr><tr><td>10-19</td><td>3mg/kg/48h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2,5mg/kg/48h</td></tr><tr><td>CVVH, CVVHD, CVVHDF</td><td>Chế độ liều thấp: 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nếu sẵn có) Chế độ liều cao: 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều</td></tr><tr><td>HD</td><td>1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	7mg/kg/24h	60-79	5mg/kg/24h	40-59	4mg/kg/24h	30-39	5mg/kg/48h	20-29	4mg/kg/48h	10-19	3mg/kg/48h	< 10	2,5mg/kg/48h	CVVH, CVVHD, CVVHDF	Chế độ liều thấp: 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nếu sẵn có) Chế độ liều cao: 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều	HD	1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc	<p>- <i>Liều thông thường:</i> 3-5mg/kg/24h, chia 2-3 lần hoặc 4-7mg/kg/24h, IV. <i>Liều dùng hiệu chỉnh theo ClCr (ml/ph) so với liều thông thường (%)</i> - ClCr > 100: 100% - ClCr 70-100: 80% - ClCr 55-70: 65% - ClCr 45-55: 55% - ClCr 40-45: 50% - ClCr 35-40: 40% - ClCr 30-35: 35% - ClCr 25-30: 30% - ClCr 20-25: 25% - ClCr 15-20: 20% - ClCr 10-15: 15%</p>																								
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																															
≥ 80	7mg/kg/24h																																															
60-79	5mg/kg/24h																																															
40-59	4mg/kg/24h																																															
30-39	5mg/kg/48h																																															
20-29	4mg/kg/48h																																															
10-19	3mg/kg/48h																																															
< 10	2,5mg/kg/48h																																															
CVVH, CVVHD, CVVHDF	Chế độ liều thấp: 120mg hoặc 2,5-3,5mg/kg/48h, nên TDM (nếu sẵn có) Chế độ liều cao: 7mg/kg, cần TDM để xác định khoảng liều																																															
HD	1,7-2mg/kg/48h + 0,85-1mg/kg sau lọc																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																									
	+ HD: 1-1,7mg/kg (dùng vào cuối mỗi phiên lọc máu)	- ClCr 40-59ml/ph: 1mg/kg/12h. - ClCr 20-39ml/ph: 1mg/kg/24h. - ClCr < 20ml/ph: 1mg/kg, sau đó chỉnh liều dựa vào nồng độ thuốc trong máu. - HD: 1mg/kg/48-72h, dùng sau lọc.		- ClCr <10: 10% - HD: 1-1,7mg/kg, IV dùng sau lọc vào ngày lọc.																																																																																									
Imipenem + cilastatin	<table><tr><th rowspan="2">Nhiễm khuẩn</th><th colspan="4">ClCr (ml/ph)</th></tr><tr><th>90 - ≥ 60</th><th>60 - ≥ 30</th><th>30 - ≥ 15</th><th>< 15, HD</th></tr><tr><td rowspan="2">NK nghi ngờ hoặc xác định do các chủng nhạy cảm</td><td rowspan="2">0,4g/6h hoặc 0,5g/6h</td><td rowspan="2">0,3g/6h hoặc 0,5g/8h</td><td rowspan="2">0,2g/6h hoặc 0,5g/12h</td><td>0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó</td></tr><tr><td>0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó</td></tr></table>	Nhiễm khuẩn	ClCr (ml/ph)				90 - ≥ 60	60 - ≥ 30	30 - ≥ 15	< 15, HD	NK nghi ngờ hoặc xác định do các chủng nhạy cảm	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td colspan="2">Nếu liều mục tiêu 500mg/6h</td></tr><tr><td>≥ 90</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>60 - < 90</td><td>400mg/6h</td></tr><tr><td>30 - < 60</td><td>300mg/6h</td></tr><tr><td>15 - < 30</td><td>200mg/6h</td></tr><tr><td>HD</td><td>200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td colspan="2">Nếu liều mục tiêu 1g/8h</td></tr><tr><td>≥ 90</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>60 - < 90</td><td>500mg/6h</td></tr><tr><td>30 - < 60</td><td>500mg/8h</td></tr><tr><td>15 - < 30</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td colspan="2">Nếu liều mục tiêu 1g/6h</td></tr><tr><td>≥ 90</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>60 - < 90</td><td>750mg/8h</td></tr><tr><td>30 - < 60</td><td>500mg/6h</td></tr><tr><td>15 - < 30</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	Nếu liều mục tiêu 500mg/6h		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	400mg/6h	30 - < 60	300mg/6h	15 - < 30	200mg/6h	HD	200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	Nếu liều mục tiêu 1g/8h		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	500mg/6h	30 - < 60	500mg/8h	15 - < 30	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	Nếu liều mục tiêu 1g/6h		≥ 90	Không phải chỉnh liều	60 - < 90	750mg/8h	30 - < 60	500mg/6h	15 - < 30	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 90</td><td>0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h</td></tr><tr><td>60-89</td><td>0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h</td></tr><tr><td>30-59</td><td>0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h</td></tr><tr><td>15-29</td><td>0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h</td></tr><tr><td>< 15, không lọc máu</td><td>Không khuyến cáo sử dụng</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 90	0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h	60-89	0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h	30-59	0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h	15-29	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h	< 15, không lọc máu	Không khuyến cáo sử dụng	CVVH	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	CVVHD	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	CVVHDF	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)	HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>≥ 90</th><th>< 90- ≥ 60</th><th>< 60- ≥ 30</th><th>< 30- ≥ 15</th></tr><tr><td>NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm</td><td rowspan="2">0,5g/6h hoặc 1g/8h</td><td rowspan="2">0,4g/6h hoặc 0,5g/6h</td><td rowspan="2">0,3g/6h hoặc 0,5g/8h</td><td rowspan="2">0,2g/6h hoặc 0,5g/12h</td></tr><tr><td>NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình</td></tr><tr><td>HD</td><td colspan="4">0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	≥ 90	< 90- ≥ 60	< 60- ≥ 30	< 30- ≥ 15	NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm	0,5g/6h hoặc 1g/8h	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h	NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình	HD	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc			
	Nhiễm khuẩn		ClCr (ml/ph)																																																																																										
		90 - ≥ 60	60 - ≥ 30	30 - ≥ 15	< 15, HD																																																																																								
	NK nghi ngờ hoặc xác định do các chủng nhạy cảm	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó																																																																																								
					0,5g/12h, sử dụng sau 12h kể từ lần lọc trước đó																																																																																								
	ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																											
	Nếu liều mục tiêu 500mg/6h																																																																																												
	≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																											
	60 - < 90	400mg/6h																																																																																											
	30 - < 60	300mg/6h																																																																																											
15 - < 30	200mg/6h																																																																																												
HD	200mg/6h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																												
Nếu liều mục tiêu 1g/8h																																																																																													
≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																												
60 - < 90	500mg/6h																																																																																												
30 - < 60	500mg/8h																																																																																												
15 - < 30	500mg/12h																																																																																												
HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																												
Nếu liều mục tiêu 1g/6h																																																																																													
≥ 90	Không phải chỉnh liều																																																																																												
60 - < 90	750mg/8h																																																																																												
30 - < 60	500mg/6h																																																																																												
15 - < 30	500mg/12h																																																																																												
HD	500mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																												
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																												
≥ 90	0,5g/6h hoặc 1g/8h VK nhạy cảm trung bình: 1g/6h																																																																																												
60-89	0,5g/6h VK nhạy cảm trung bình: 0,75g/8h																																																																																												
30-59	0,5g/8h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/6h																																																																																												
15-29	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h VK nhạy cảm trung bình: 0,5g/12h																																																																																												
< 15, không lọc máu	Không khuyến cáo sử dụng																																																																																												
CVVH	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																												
CVVHD	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																												
CVVHDF	0,5-1g/6h (truyền kéo dài 1-3h)																																																																																												
HD	0,5g/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																																												
ClCr (ml/ph)	≥ 90	< 90- ≥ 60	< 60- ≥ 30	< 30- ≥ 15																																																																																									
NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm	0,5g/6h hoặc 1g/8h	0,4g/6h hoặc 0,5g/6h	0,3g/6h hoặc 0,5g/8h	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h																																																																																									
NK nghi ngờ/đã được xác nhận do VK nhạy cảm trung bình																																																																																													
HD	0,2g/6h hoặc 0,5g/12h, dùng sau lọc vào ngày lọc																																																																																												
	- CAPD: ND. Liều dùng tính theo imipenem	- CAPD: ND - CRRT: 0,5-1g/6h Liều dùng tính theo imipenem	Liều dùng tính theo imipenem	Liều dùng tính theo imipenem																																																																																									

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																														
Itraconazol	<p>- Suy gan, thận: Nên thận trọng</p> <p>Đường tiêm:</p> <p>Chống chỉ định ClCr < 30ml/ph.</p>	<p>- Đường uống:</p> <p>+ Suy thận, HD, CAPD: không phải chỉnh liều.</p> <p>+ CRRT: ND</p> <p>- Đường tiêm:</p> <p>ClCr < 30ml/ph: Tránh sử dụng.</p>	<p>- Đường uống:</p> <p>+ Suy thận: Không phải chỉnh liều (100 - 200mg/12 - 24h).</p> <p>+ CVVH/ CVVHD/ CVVHDF: LD 200mg/12h (4 liều), MD 200mg/24h.</p> <p>+ HD: LD 200mg/12h (4 liều), MD 100mg/12 - 24h.</p> <p>- Đường tiêm:</p> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h</td></tr><tr><td>< 30</td><td>Khuyến cáo không dùng</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>Không dùng khi ClCr < 30</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>Không dùng khi ClCr < 30</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>Không dùng khi ClCr < 30</td></tr><tr><td>HD</td><td>Không dùng khi ClCr < 30</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 30	Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h	< 30	Khuyến cáo không dùng	CVVH	Không dùng khi ClCr < 30	CVVHD	Không dùng khi ClCr < 30	CVVHDF	Không dùng khi ClCr < 30	HD	Không dùng khi ClCr < 30	ND																																																
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
≥ 30	Ngày 1 và 2: 200mg/12h Từ ngày thứ 3 trở đi: 200mg/12-24h																																																																	
< 30	Khuyến cáo không dùng																																																																	
CVVH	Không dùng khi ClCr < 30																																																																	
CVVHD	Không dùng khi ClCr < 30																																																																	
CVVHDF	Không dùng khi ClCr < 30																																																																	
HD	Không dùng khi ClCr < 30																																																																	
Levofloxacin	<p>Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp theo hiệu chỉnh theo chế độ liều và ClCr:</p> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>250mg /24h</th><th>500mg /24h</th><th>500mg /12h</th><th>750mg /24h</th></tr><tr><td>20 - 50</td><td>125mg /24h</td><td>250mg /24h</td><td>250mg /12h</td><td>750mg /48h</td></tr><tr><td>10 - 19</td><td rowspan="2">125mg /48h</td><td>125mg /24h hoặc 250mg /48h</td><td>125mg /12h</td><td rowspan="2">500mg /48h</td></tr><tr><td>< 10 (kể cả HD và CAPD)</td><td>125mg /24h</td><td>125mg /24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	250mg /24h	500mg /24h	500mg /12h	750mg /24h	20 - 50	125mg /24h	250mg /24h	250mg /12h	750mg /48h	10 - 19	125mg /48h	125mg /24h hoặc 250mg /48h	125mg /12h	500mg /48h	< 10 (kể cả HD và CAPD)	125mg /24h	125mg /24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)</td></tr><tr><td>20 - 49</td><td>750mg/48h</td></tr><tr><td>< 20</td><td rowspan="4">750mg, sau đó 500mg/48h</td></tr><tr><td>HD</td></tr><tr><td>CAPD</td></tr><tr><td>CRRT</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)	20 - 49	750mg/48h	< 20	750mg, sau đó 500mg/48h	HD	CAPD	CRRT	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>750mg/24h hoặc 500mg/12h</td></tr><tr><td>20 - 49</td><td>750mg/48h hoặc 500mg/24h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>LD: 750mg, MD: 500mg/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CVVH</td><td rowspan="3">LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h</td></tr><tr><td>CVVHD</td></tr><tr><td>CVVHDF</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	750mg/24h hoặc 500mg/12h	20 - 49	750mg/48h hoặc 500mg/24h	< 20	LD: 750mg, MD: 500mg/48h	HD	LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CVVH	LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h	CVVHD	CVVHDF	<p>Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp theo chỉnh theo chế độ liều và ClCr:</p> <table><tr><th rowspan="2">Liều thông thường</th><th colspan="3">ClCr (ml/ph)</th></tr><tr><th>20-49</th><th>10-19</th><th>HD hoặc CAPD</th></tr><tr><td>750mg /24h</td><td>750mg /48h</td><td>500mg /48h</td><td>500mg /48h</td></tr><tr><td>500mg /24h</td><td>250mg /24h</td><td>250mg /48h</td><td>250mg /48h</td></tr><tr><td>250mg /24h</td><td>250mg /24h</td><td>250mg /48h</td><td>ND</td></tr></table>	Liều thông thường	ClCr (ml/ph)			20-49	10-19	HD hoặc CAPD	750mg /24h	750mg /48h	500mg /48h	500mg /48h	500mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	250mg /48h	250mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	ND
ClCr (ml/ph)	250mg /24h	500mg /24h	500mg /12h	750mg /24h																																																														
20 - 50	125mg /24h	250mg /24h	250mg /12h	750mg /48h																																																														
10 - 19	125mg /48h	125mg /24h hoặc 250mg /48h	125mg /12h	500mg /48h																																																														
< 10 (kể cả HD và CAPD)		125mg /24h	125mg /24h																																																															
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	Không phải chỉnh liều (250 - 750mg/24h)																																																																	
20 - 49	750mg/48h																																																																	
< 20	750mg, sau đó 500mg/48h																																																																	
HD																																																																		
CAPD																																																																		
CRRT																																																																		
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																	
> 50	750mg/24h hoặc 500mg/12h																																																																	
20 - 49	750mg/48h hoặc 500mg/24h																																																																	
< 20	LD: 750mg, MD: 500mg/48h																																																																	
HD	LD: 750mg, MD: 500mg/48h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																	
CVVH	LD: 500 - 750mg, MD: 250-500mg/24h																																																																	
CVVHD																																																																		
CVVHDF																																																																		
Liều thông thường	ClCr (ml/ph)																																																																	
	20-49	10-19	HD hoặc CAPD																																																															
750mg /24h	750mg /48h	500mg /48h	500mg /48h																																																															
500mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	250mg /48h																																																															
250mg /24h	250mg /24h	250mg /48h	ND																																																															

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																								
Linezolid	- Liều thông thường: 600mg/12h. - Không phải chỉnh liều ở BN suy thận. - HD: không phải chỉnh liều, dùng ngay sau lọc.	- Liều thông thường: 600mg/12h. - Không phải chỉnh liều ở BN suy thận. - HD: không phải chỉnh liều, dùng sau lọc. - CAPD/ CRRT: không phải chỉnh liều.	- Liều thông thường: 600mg/12h. - Không phải chỉnh liều ở BN suy thận. -CVVH/CVVHD/CVVHDF: 600mg/8 - 12h. - HD: 600mg/12h (dùng sau lọc vào ngày lọc).	Không phải chỉnh liều.																																																								
Meropenem	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h</td></tr><tr><td>26-50</td><td>Liều thông thường mỗi 12h</td></tr><tr><td>10-25</td><td>½ liều thông thường mỗi 12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>½ liều thông thường mỗi 24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h	26-50	Liều thông thường mỗi 12h	10-25	½ liều thông thường mỗi 12h	< 10	½ liều thông thường mỗi 24h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1g/8h</td></tr><tr><td>26-50</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>10-25</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h</td></tr><tr><td>SLED</td><td>1g/8-12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1g/8h	26-50	1g/12h	10-25	0,5g/12h	< 10	0,5g/24h	HD	0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	0,5g/24h	CRRT	CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h	SLED	1g/8-12h	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1g/8h</td></tr><tr><td>25-50</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>10-25</td><td>0,5g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5g/24h</td></tr><tr><td>CVVH</td><td>UF: 20ml/kg/h: 1g/12h UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h</td></tr><tr><td>CVVHD</td><td>Qđ: 20-25ml/kg/h: 2g/12h hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h Qđ: 30ml/kg/h: 2g/8h hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)</td></tr><tr><td>CVVHDF</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>HD</td><td>0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1g/8h	25-50	1g/12h	10-25	0,5g/12h	< 10	0,5g/24h	CVVH	UF: 20ml/kg/h: 1g/12h UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h	CVVHD	Qđ: 20-25ml/kg/h: 2g/12h hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h Qđ: 30ml/kg/h: 2g/8h hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)	CVVHDF	0,5-1g/8h	HD	0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>0,5-1g/8h</td></tr><tr><td>26-50</td><td>0,5-1g/12h</td></tr><tr><td>10-25</td><td>0,25-0,5g/12h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>0,5-1g/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	0,5-1g/8h	26-50	0,5-1g/12h	10-25	0,25-0,5g/12h	< 10	0,5-1g/24h
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	Không phải chỉnh liều: 0,5-2g/8h																																																											
26-50	Liều thông thường mỗi 12h																																																											
10-25	½ liều thông thường mỗi 12h																																																											
< 10	½ liều thông thường mỗi 24h																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	1g/8h																																																											
26-50	1g/12h																																																											
10-25	0,5g/12h																																																											
< 10	0,5g/24h																																																											
HD	0,5g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																											
CAPD	0,5g/24h																																																											
CRRT	CVVH, CVVHD: 0,75-1g/8h																																																											
SLED	1g/8-12h																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	1g/8h																																																											
25-50	1g/12h																																																											
10-25	0,5g/12h																																																											
< 10	0,5g/24h																																																											
CVVH	UF: 20ml/kg/h: 1g/12h UF: 35 ml/kg/h: 1g/8h																																																											
CVVHD	Qđ: 20-25ml/kg/h: 2g/12h hoặc LD: 1g, MD: 0,5g/8h hoặc LD: 1g, MD: 1g/12h Qđ: 30ml/kg/h: 2g/8h hoặc LD: 2g, MD: 1g/8h hoặc LD: 2g, MD: 3g/24h (truyền liên tục)																																																											
CVVHDF	0,5-1g/8h																																																											
HD	0,5-1g/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 50	0,5-1g/8h																																																											
26-50	0,5-1g/12h																																																											
10-25	0,25-0,5g/12h																																																											
< 10	0,5-1g/24h																																																											
Metronidazol	ND	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 10</td><td>500mg/6h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>500mg/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>500mg/12h (dùng sau lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 10	500mg/6h	< 10	500mg/12h	HD	500mg/12h (dùng sau lọc)	CAPD	Không phải chỉnh liều	CRRT	Không phải chỉnh liều	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 10</td><td>7,5mg/kg/6h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>7,5mg/kg/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 10	7,5mg/kg/6h	< 10	7,5mg/kg/12h	Không phải chỉnh liều.																																						
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
≥ 10	500mg/6h																																																											
< 10	500mg/12h																																																											
HD	500mg/12h (dùng sau lọc)																																																											
CAPD	Không phải chỉnh liều																																																											
CRRT	Không phải chỉnh liều																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																											
> 10	7,5mg/kg/6h																																																											
< 10	7,5mg/kg/12h																																																											
Moxifloxacin	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều (400mg/24h).	Không phải chỉnh liều.																																																								

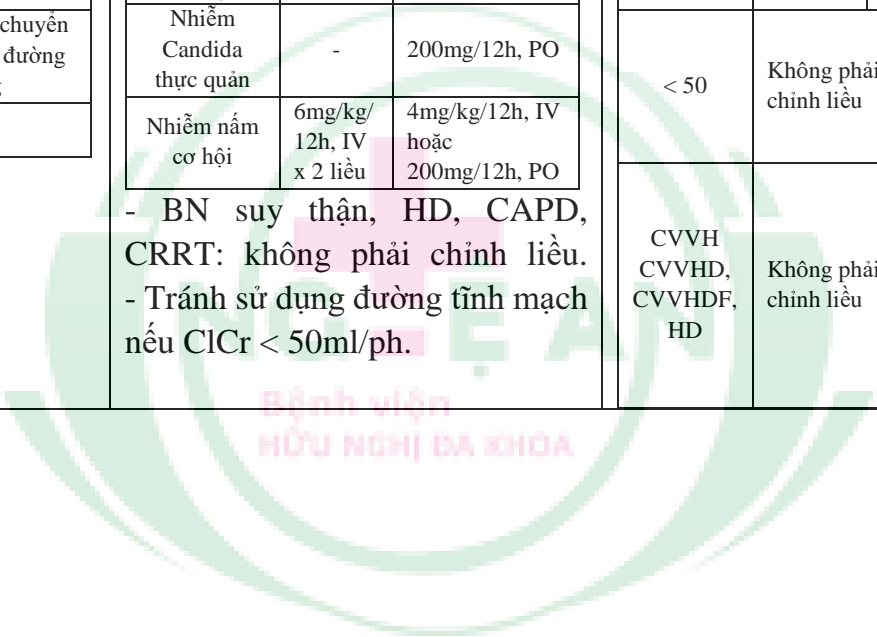
Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																									
Ofloxacin	Giữ nguyên liều đầu, các liều tiếp theo hiệu chỉnh theo ClCr (ml/ph): - ClCr 20 - 50: Liều thông thường/24h. - ClCr < 20: ½ liều thông thường/24h.	Đường tiêm: ND Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>200 - 400mg/24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>200mg/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>200mg/24h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>200 - 400mg/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)	10 - 50	200 - 400mg/24h	< 10	200mg/24h	HD	200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)	CAPD	200mg/24h	CRRT	200 - 400mg/24h	ND	Đường tiêm: ND Đường uống: <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>20 - 50</td><td>200 - 400mg/24h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>100 - 200mg/24h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	20 - 50	200 - 400mg/24h	< 20	100 - 200mg/24h																																																					
		ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																										
		> 50	Không phải chỉnh liều (200 - 400mg/12h)																																																																										
		10 - 50	200 - 400mg/24h																																																																										
		< 10	200mg/24h																																																																										
		HD	200mg/24h (dùng sau lọc vào ngày lọc)																																																																										
		CAPD	200mg/24h																																																																										
CRRT	200 - 400mg/24h																																																																												
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																												
20 - 50	200 - 400mg/24h																																																																												
< 20	100 - 200mg/24h																																																																												
Piperacilin + tazobactam	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Các chỉ định ngoại trừ HAP</th><th>HAP</th></tr><tr><td>20 - 40</td><td>2,25g/6h</td><td>3,375g/6h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>2,25g/8h</td><td>2,25g/6h</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td>2,25g/12h</td><td>2,25g/8h</td></tr><tr><td colspan="2">+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>2,25g/12h</td><td>2,25g/8h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Các chỉ định ngoại trừ HAP	HAP	20 - 40	2,25g/6h	3,375g/6h	< 20	2,25g/8h	2,25g/6h	HD	2,25g/12h	2,25g/8h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc		CAPD	2,25g/12h	2,25g/8h	<table><tr><th rowspan="2">ClCr (ml/ph)</th><th rowspan="2">Truyền kéo dài</th><th colspan="2">Truyền ngắt quãng</th></tr><tr><th>HAP</th><th>Các chỉ định khác</th></tr><tr><td>> 40</td><td rowspan="2">4,5g/8h (truyền 4h)</td><td>4,5g/6h</td><td>3,375g/6h</td></tr><tr><td>20 - 40</td><td>3,375g/6h</td><td>2,25g/6h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>4,5g/12h (truyền 4h)</td><td>2,25g/6h</td><td>2,25g/8h</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td rowspan="2">4,5g/12h (truyền 4h)</td><td>2,25g/8h</td><td>2,25g/12h</td></tr><tr><td colspan="2">+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>ND</td><td>2,25g/8h</td><td>2,25g/12h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)</td><td colspan="2">3,375 - 4,5g/6h</td></tr><tr><td>SLED</td><td>ND</td><td colspan="2">4,5g/8h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Truyền kéo dài	Truyền ngắt quãng		HAP	Các chỉ định khác	> 40	4,5g/8h (truyền 4h)	4,5g/6h	3,375g/6h	20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h	< 20	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/6h	2,25g/8h	HD	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/8h	2,25g/12h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc		CAPD	ND	2,25g/8h	2,25g/12h	CRRT	3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)	3,375 - 4,5g/6h		SLED	ND	4,5g/8h		<table><tr><th rowspan="2">ClCr (ml/ph)</th><th colspan="2">Truyền ngắt quãng</th></tr><tr><th>HAP</th><th>Các chỉ định khác</th></tr><tr><td>> 40</td><td>4,5g/6h</td><td>3,375g/6h</td></tr><tr><td>20 - 40</td><td>3,375g/6h</td><td>2,25g/6h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>2,25g/6h</td><td>2,25g/8h</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td>2,25g/8h</td><td>2,25g/12h</td></tr><tr><td colspan="2">+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>2,25g/8h</td><td>2,25g/12h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Truyền ngắt quãng		HAP	Các chỉ định khác	> 40	4,5g/6h	3,375g/6h	20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h	< 20	2,25g/6h	2,25g/8h	HD	2,25g/8h	2,25g/12h	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc		CAPD	2,25g/8h	2,25g/12h
		ClCr (ml/ph)	Các chỉ định ngoại trừ HAP	HAP																																																																									
		20 - 40	2,25g/6h	3,375g/6h																																																																									
		< 20	2,25g/8h	2,25g/6h																																																																									
		HD	2,25g/12h	2,25g/8h																																																																									
			+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																										
		CAPD	2,25g/12h	2,25g/8h																																																																									
		ClCr (ml/ph)	Truyền kéo dài	Truyền ngắt quãng																																																																									
				HAP	Các chỉ định khác																																																																								
		> 40	4,5g/8h (truyền 4h)	4,5g/6h	3,375g/6h																																																																								
20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h																																																																											
< 20	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/6h	2,25g/8h																																																																										
HD	4,5g/12h (truyền 4h)	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																										
		+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																											
CAPD	ND	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																										
CRRT	3,375 - 4,5g/8h (truyền 4h)	3,375 - 4,5g/6h																																																																											
SLED	ND	4,5g/8h																																																																											
ClCr (ml/ph)	Truyền ngắt quãng																																																																												
	HAP	Các chỉ định khác																																																																											
> 40	4,5g/6h	3,375g/6h																																																																											
20 - 40	3,375g/6h	2,25g/6h																																																																											
< 20	2,25g/6h	2,25g/8h																																																																											
HD	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																											
	+ 0,75g sau lọc vào ngày lọc																																																																												
CAPD	2,25g/8h	2,25g/12h																																																																											
			<table><tr><th rowspan="2">ClCr (ml/ph)</th><th rowspan="2">Liều dùng (không hướng đến TKMX)</th><th rowspan="2">Liều dùng (hướng đến TKMX)</th></tr><tr><td></td><td></td></tr><tr><td>> 40</td><td>4,5g/8h</td><td>4,5g/6h</td></tr><tr><td>20 - 40</td><td>2,25g/6h</td><td>4,5g/8h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>2,25g/8h</td><td>4,5g/12h</td></tr><tr><td rowspan="3">CV VH</td><td>≤ 10</td><td colspan="2">4,5g/8h (truyền trong 4h)</td></tr><tr><td>> 10 - 50</td><td colspan="2">4,5g/6h (truyền trong 4h)</td></tr><tr><td>> 50 - 100</td><td colspan="2">4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)</td></tr><tr><td>CVVHD/ CVVHDF</td><td colspan="2">4,5g/6h</td></tr><tr><td>HD</td><td colspan="2">2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng (không hướng đến TKMX)	Liều dùng (hướng đến TKMX)			> 40	4,5g/8h	4,5g/6h	20 - 40	2,25g/6h	4,5g/8h	< 20	2,25g/8h	4,5g/12h	CV VH	≤ 10	4,5g/8h (truyền trong 4h)		> 10 - 50	4,5g/6h (truyền trong 4h)		> 50 - 100	4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)		CVVHD/ CVVHDF	4,5g/6h		HD	2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc																																													
							ClCr (ml/ph)	Liều dùng (không hướng đến TKMX)	Liều dùng (hướng đến TKMX)																																																																				
				> 40	4,5g/8h	4,5g/6h																																																																							
				20 - 40	2,25g/6h	4,5g/8h																																																																							
				< 20	2,25g/8h	4,5g/12h																																																																							
				CV VH	≤ 10	4,5g/8h (truyền trong 4h)																																																																							
					> 10 - 50	4,5g/6h (truyền trong 4h)																																																																							
					> 50 - 100	4,5g/4h (truyền trong 4h) hoặc 13,5g/24h (truyền liên tục)																																																																							
				CVVHD/ CVVHDF	4,5g/6h																																																																								
HD	2,25g mỗi 8-12h + 0,75g sau lọc																																																																												

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																											
Co-trimoxazol	<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>15-30</td><td>Giảm nửa liều thông thường</td></tr><tr><td>< 15</td><td>Tránh dùng</td></tr></table>	CICr (ml/ph)	Liều dùng	15-30	Giảm nửa liều thông thường	< 15	Tránh dùng	<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Điều trị</th><th>Dự phòng</th></tr><tr><td>≥ 30</td><td>5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV</td><td>160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần</td></tr><tr><td>10-29</td><td>5-10mg/kg/24h (chia 12h)</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td><10</td><td>Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>HD</td><td></td><td></td></tr><tr><td>CAPD</td><td></td><td>ND</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>5mg/kg/8h</td><td></td></tr></table> <div>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</div>	CICr (ml/ph)	Điều trị	Dự phòng	≥ 30	5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV	160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần	10-29	5-10mg/kg/24h (chia 12h)	Không phải chỉnh liều	<10	Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)	Không phải chỉnh liều	HD			CAPD		ND	CRRT	5mg/kg/8h		<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>ND</td><td>80-160mg/12-24h, PO</td></tr><tr><td>CVVH, CVVHD, CVVHDF</td><td>2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cân nhắc thêm dựa trên loại NK và căn nguyên gây bệnh</td></tr><tr><td>HD</td><td>2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)</td></tr></table> <div>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</div>	CICr (ml/ph)	Liều dùng	ND	80-160mg/12-24h, PO	CVVH, CVVHD, CVVHDF	2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cân nhắc thêm dựa trên loại NK và căn nguyên gây bệnh	HD	2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)	<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 30</td><td>PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i>: 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiết niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)</td></tr><tr><td>15-30</td><td>½ liều thông thường</td></tr><tr><td>< 15</td><td>Không khuyến cáo sử dụng</td></tr></table> <div>Liều dùng được tính theo trimethoprim.</div>	CICr (ml/ph)	Liều dùng	> 30	PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i> : 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiết niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)	15-30	½ liều thông thường	< 15	Không khuyến cáo sử dụng
	CICr (ml/ph)	Liều dùng																																													
	15-30	Giảm nửa liều thông thường																																													
	< 15	Tránh dùng																																													
	CICr (ml/ph)	Điều trị	Dự phòng																																												
	≥ 30	5-20mg/kg/24h (chia 6-12h), PO/IV	160mg/24h, PO hoặc 3 lần/tuần																																												
	10-29	5-10mg/kg/24h (chia 12h)	Không phải chỉnh liều																																												
<10	Không khuyến cáo (nếu sử dụng: 5-10mg/kg/24h, HD: dùng sau lọc vào ngày lọc)	Không phải chỉnh liều																																													
HD																																															
CAPD		ND																																													
CRRT	5mg/kg/8h																																														
CICr (ml/ph)	Liều dùng																																														
ND	80-160mg/12-24h, PO																																														
CVVH, CVVHD, CVVHDF	2,5-7,5mg/kg mỗi 12h. Cân nhắc thêm dựa trên loại NK và căn nguyên gây bệnh																																														
HD	2,5-10mg/kg mỗi 24h hoặc 5-20mg/kg, 3 lần/tuần (sau lọc)																																														
CICr (ml/ph)	Liều dùng																																														
> 30	PO: 160mg/12h IV: +Viêm phổi do <i>Pneumocytis jirovecii</i> : 5mg/kg/6-8h. + NK đường tiết niệu nặng và bệnh shigellosis: 8-10mg/kg/24h (chia 2-4 lần)																																														
15-30	½ liều thông thường																																														
< 15	Không khuyến cáo sử dụng																																														
Ticarcilin + acid clavulanic	Sử dụng liều ban đầu 3g (tính theo ticarcilin), sau đó điều chỉnh liều duy trì ở người lớn có suy thận như sau:	ND	ND	Sử dụng liều ban đầu 3,1g sau đó điều chỉnh liều duy trì ở người lớn có suy thận như sau:																																											
	<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>30 - 60</td><td>2g/4h</td></tr><tr><td>10 - 29</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>< 10 có kèm rối loạn chức năng gan</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>3g/12h</td></tr></table>			CICr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	Không phải chỉnh liều	30 - 60	2g/4h	10 - 29	2g/8h	< 10	2g/12h	< 10 có kèm rối loạn chức năng gan	2g/24h	HD	2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc	CAPD	3g/12h	<table><tr><th>CICr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 60</td><td>3,1g/4h</td></tr><tr><td>30 - 60</td><td>2g/4h</td></tr><tr><td>10 - 30</td><td>2g/8h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2g/12h</td></tr><tr><td>< 10 và suy giảm chức năng gan</td><td>2g/24h</td></tr><tr><td>PD</td><td>3,1g/12h</td></tr><tr><td>HD</td><td>2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc</td></tr></table>	CICr (ml/ph)	Liều dùng	> 60	3,1g/4h	30 - 60	2g/4h	10 - 30	2g/8h	< 10	2g/12h	< 10 và suy giảm chức năng gan	2g/24h	PD	3,1g/12h	HD	2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc											
	CICr (ml/ph)			Liều dùng																																											
	> 60			Không phải chỉnh liều																																											
	30 - 60			2g/4h																																											
	10 - 29			2g/8h																																											
	< 10			2g/12h																																											
	< 10 có kèm rối loạn chức năng gan			2g/24h																																											
	HD			2g/12h + 3g sau mỗi lần lọc																																											
	CAPD			3g/12h																																											
CICr (ml/ph)	Liều dùng																																														
> 60	3,1g/4h																																														
30 - 60	2g/4h																																														
10 - 30	2g/8h																																														
< 10	2g/12h																																														
< 10 và suy giảm chức năng gan	2g/24h																																														
PD	3,1g/12h																																														
HD	2g/12h + 3,1g sau mỗi phiên lọc																																														

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																								
Tinidazol	<p>- Đường uống:</p> <p>+ Suy thận: ND</p> <p>+ BN lọc máu: bổ sung ½ liều khuyến cáo sau lọc nếu dùng thuốc trong ngày lọc.</p> <p>- Đường tiêm: ND</p>	<p>- Đường uống:</p> <p>+ Suy thận: Không phải chỉnh liều: 2g/24h.</p> <p>+ HD: Không phải chỉnh liều (bổ sung 1g sau lọc nếu dùng thuốc trước đó).</p> <p>+ CAPD, CRRT, SLED: ND</p> <p>- Đường tiêm: ND</p>	ND	<p>- Đường uống:</p> <p>Không phải chỉnh liều.</p> <p>- Đường tiêm: ND</p>																																																																								
Tobramycin	<p>- LD: 1mg/kg</p> <p>- MD: liều thấp hơn cách nhau 8h hoặc liều bình thường với khoảng cách dùng thuốc kéo dài hơn.</p> <table><tr><th rowspan="2">Chức năng thận</th><th colspan="2">Phác đồ I</th><th>Phác đồ II</th></tr><tr><th colspan="2">Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)</th><th>Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn</th></tr><tr><th rowspan="2">Cler (ml/ph)</th><th colspan="2">Trọng lượng</th><th>Trọng lượng/liều</th></tr><tr><th>50-60kg</th><th>60-80kg</th><td>50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg</td></tr><tr><td>>70</td><td>60</td><td>80</td><td>Mỗi 8h</td></tr><tr><td>40-69</td><td>30-60</td><td>50-80</td><td>Mỗi 12h</td></tr><tr><td>20-39</td><td>20-25</td><td>30-45</td><td>Mỗi 18h</td></tr><tr><td>10-19</td><td>10-18</td><td>15-24</td><td>Mỗi 24h</td></tr><tr><td>5-9</td><td>5-9</td><td>7-12</td><td>Mỗi 36h</td></tr><tr><td><4</td><td>2,5-4,5</td><td>3,5-6</td><td>Mỗi 48h</td></tr><tr><td>HD</td><td colspan="3">Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc</td></tr></table> <p>- Đối với các NK đe dọa tính mạng: có thể sử dụng liều cao hơn 50% so với liều thông thường được khuyến cáo.</p>	Chức năng thận	Phác đồ I		Phác đồ II	Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)		Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn	Cler (ml/ph)	Trọng lượng		Trọng lượng/liều	50-60kg	60-80kg	50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg	>70	60	80	Mỗi 8h	40-69	30-60	50-80	Mỗi 12h	20-39	20-25	30-45	Mỗi 18h	10-19	10-18	15-24	Mỗi 24h	5-9	5-9	7-12	Mỗi 36h	<4	2,5-4,5	3,5-6	Mỗi 48h	HD	Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc			<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 50</td><td>1,7 - 2mg/kg/8h</td></tr><tr><td>10 - 50</td><td>1,7- 2mg/kg/12-24h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>1,7 - 2mg/kg/48h</td></tr><tr><td>HD</td><td>1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>1,7 - 2mg/kg/ 24h</td></tr><tr><td>CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)</td><td>0,6mg/kg/ 24h, IP</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 50	1,7 - 2mg/kg/8h	10 - 50	1,7- 2mg/kg/12-24h	< 10	1,7 - 2mg/kg/48h	HD	1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc	CRRT	1,7 - 2mg/kg/ 24h	CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)	0,6mg/kg/ 24h, IP	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>≥ 80</td><td>7mg/kg/24h</td></tr><tr><td>60 - 79</td><td>5mg/kg/24h</td></tr><tr><td>40 - 59</td><td>4mg/kg/24h</td></tr><tr><td>30 - 39</td><td>5mg/kg/48h</td></tr><tr><td>20 - 29</td><td>4mg/kg/48h</td></tr><tr><td>10 - 19</td><td>3mg/kg/48h</td></tr><tr><td>< 10</td><td>2,5mg/kg/48h</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	≥ 80	7mg/kg/24h	60 - 79	5mg/kg/24h	40 - 59	4mg/kg/24h	30 - 39	5mg/kg/48h	20 - 29	4mg/kg/48h	10 - 19	3mg/kg/48h	< 10	2,5mg/kg/48h	<p>- Liều khởi đầu 1 mg/kg</p> <p>- Hiệu chỉnh liều sau bằng cách giảm liều và dùng cách nhau 8 giờ hoặc dùng liều bình thường với khoảng thời gian dài hơn.</p> <p>Khi ClCr ≤ 70ml/ph hoặc khi biết giá trị SCr, lượng liều giảm có thể được xác định bằng cách nhân liều bình thường với phần trăm liều bình thường từ biểu đồ kèm theo.</p> <div><p>REDUCED DOSAGE NOMOGRAM* Creatinine Clearance (mL/min/1.73 m²)</p><p>Percent of Normal Dosage from Table 3</p><p>Serum Creatinine (mg/100 mL)</p><p>*Scales have been adjusted to facilitate dosage calculations</p></div>
Chức năng thận	Phác đồ I		Phác đồ II																																																																									
	Liều điều chỉnh cách nhau 8h (mg)		Liều thường với khoảng cách dùng dài hơn																																																																									
Cler (ml/ph)	Trọng lượng		Trọng lượng/liều																																																																									
	50-60kg	60-80kg	50-60kg: 60mg 60-80kg: 80mg																																																																									
>70	60	80	Mỗi 8h																																																																									
40-69	30-60	50-80	Mỗi 12h																																																																									
20-39	20-25	30-45	Mỗi 18h																																																																									
10-19	10-18	15-24	Mỗi 24h																																																																									
5-9	5-9	7-12	Mỗi 36h																																																																									
<4	2,5-4,5	3,5-6	Mỗi 48h																																																																									
HD	Bổ sung 50-75% liều nạp vào cuối mỗi giai đoạn lọc																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																											
> 50	1,7 - 2mg/kg/8h																																																																											
10 - 50	1,7- 2mg/kg/12-24h																																																																											
< 10	1,7 - 2mg/kg/48h																																																																											
HD	1,7 - 2mg/kg/48h, bổ sung 0,85 - 1mg/kg sau lọc																																																																											
CRRT	1,7 - 2mg/kg/ 24h																																																																											
CAPD (chỉ cho viêm phúc mạc)	0,6mg/kg/ 24h, IP																																																																											
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																											
≥ 80	7mg/kg/24h																																																																											
60 - 79	5mg/kg/24h																																																																											
40 - 59	4mg/kg/24h																																																																											
30 - 39	5mg/kg/48h																																																																											
20 - 29	4mg/kg/48h																																																																											
10 - 19	3mg/kg/48h																																																																											
< 10	2,5mg/kg/48h																																																																											

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022	Sanford guide (update 12.2025)	HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023	Renal Pharmacotherapy 2021																																																																																														
Vancomycin	<p>- Có thể giảm liều hằng ngày theo chức năng thận. Tổng liều hàng ngày có thể tính bằng khoảng 15 lần tốc độ lọc cầu thận như sau:</p> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều vancomycin (mg/24h)</th></tr><tr><td>100</td><td>1545</td></tr><tr><td>90</td><td>1390</td></tr><tr><td>80</td><td>1235</td></tr><tr><td>70</td><td>1080</td></tr><tr><td>60</td><td>925</td></tr><tr><td>50</td><td>770</td></tr><tr><td>40</td><td>620</td></tr><tr><td>30</td><td>465</td></tr><tr><td>20</td><td>310</td></tr><tr><td>10</td><td>155</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)	100	1545	90	1390	80	1235	70	1080	60	925	50	770	40	620	30	465	20	310	10	155	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 100</td><td>Không phải chỉnh liều</td></tr><tr><td>> 50 - 100</td><td>15 - 20mg/kg/12h</td></tr><tr><td>20 - 50</td><td>15 - 20mg/kg/24h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>15 - 20mg/kg/48h</td></tr><tr><td>CAPD</td><td>7,5mg/kg/48 - 96h</td></tr><tr><td>CRRT</td><td>7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)</td></tr><tr><td>SLED</td><td>LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)</td></tr><tr><td rowspan="2">HD</td><td>Màng thẩm thấp LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc</td><td>Màng thẩm cao LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 100	Không phải chỉnh liều	> 50 - 100	15 - 20mg/kg/12h	20 - 50	15 - 20mg/kg/24h	< 20	15 - 20mg/kg/48h	CAPD	7,5mg/kg/48 - 96h	CRRT	7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)	SLED	LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)	HD	Màng thẩm thấp LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc	Màng thẩm cao LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc	<p>- Khuyến cáo TDM.</p> <p>- Liều nạp theo cân nặng:</p> <table><tr><th>Cân nặng (kg)</th><th>Liều nạp (g)</th></tr><tr><td>35 - 40</td><td>1</td></tr><tr><td>41 - 50</td><td>1,25</td></tr><tr><td>51 - 60</td><td>1,5</td></tr><tr><td>61 - 70</td><td>1,75</td></tr><tr><td>> 70</td><td>2</td></tr></table> <p>- Liều duy trì theo mức lọc cầu thận</p> <table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều dùng</th></tr><tr><td>> 90</td><td>1,5g/12h</td></tr><tr><td>60 - 90</td><td>1g/12h</td></tr><tr><td>20 - 59</td><td>1g/24h</td></tr><tr><td>< 20</td><td>1g/48h</td></tr></table> <p>- BN lọc máu:</p> <table><tr><th>Lọc máu</th><th>Truyền ngắt quãng</th><th>Truyền liên tục</th></tr><tr><td>CVVH/ CVVHD/ CVVHDF</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.</td></tr><tr><td>HD</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.</td><td>LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.</td></tr></table>	Cân nặng (kg)	Liều nạp (g)	35 - 40	1	41 - 50	1,25	51 - 60	1,5	61 - 70	1,75	> 70	2	ClCr (ml/ph)	Liều dùng	> 90	1,5g/12h	60 - 90	1g/12h	20 - 59	1g/24h	< 20	1g/48h	Lọc máu	Truyền ngắt quãng	Truyền liên tục	CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.	HD	LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.	<table><tr><th>ClCr (ml/ph)</th><th>Liều vancomycin (mg/24h)</th></tr><tr><td>100</td><td>1545</td></tr><tr><td>90</td><td>1390</td></tr><tr><td>80</td><td>1235</td></tr><tr><td>70</td><td>1080</td></tr><tr><td>60</td><td>925</td></tr><tr><td>50</td><td>770</td></tr><tr><td>40</td><td>620</td></tr><tr><td>30</td><td>465</td></tr><tr><td>20</td><td>310</td></tr><tr><td>10</td><td>155</td></tr></table>	ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)	100	1545	90	1390	80	1235	70	1080	60	925	50	770	40	620	30	465	20	310	10	155
	ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)																																																																																																
	100	1545																																																																																																
	90	1390																																																																																																
	80	1235																																																																																																
	70	1080																																																																																																
	60	925																																																																																																
	50	770																																																																																																
	40	620																																																																																																
	30	465																																																																																																
20	310																																																																																																	
10	155																																																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																	
> 100	Không phải chỉnh liều																																																																																																	
> 50 - 100	15 - 20mg/kg/12h																																																																																																	
20 - 50	15 - 20mg/kg/24h																																																																																																	
< 20	15 - 20mg/kg/48h																																																																																																	
CAPD	7,5mg/kg/48 - 96h																																																																																																	
CRRT	7,5 - 10mg/kg/12h (dịch thải 20-25ml/kg/h)																																																																																																	
SLED	LD: 20 - 25mg/kg MD: 15mg/kg sau lọc (hoặc trong 60 - 90 phút cuối phiên lọc)																																																																																																	
HD	Màng thẩm thấp LD: 25mg/kg MD: 7,5mg/kg sau lọc	Màng thẩm cao LD: 25mg/kg MD: 10mg/kg sau lọc																																																																																																
	Cân nặng (kg)	Liều nạp (g)																																																																																																
35 - 40	1																																																																																																	
41 - 50	1,25																																																																																																	
51 - 60	1,5																																																																																																	
61 - 70	1,75																																																																																																	
> 70	2																																																																																																	
ClCr (ml/ph)	Liều dùng																																																																																																	
> 90	1,5g/12h																																																																																																	
60 - 90	1g/12h																																																																																																	
20 - 59	1g/24h																																																																																																	
< 20	1g/48h																																																																																																	
Lọc máu	Truyền ngắt quãng	Truyền liên tục																																																																																																
CVVH/ CVVHD/ CVVHDF	LD: 25-30mg/kg MD: 0,5-0,75g /12h	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền, cường độ lọc và TDM.																																																																																																
HD	LD: 25-30mg/kg MD: 7,5-10mg/kg sau lọc.	LD: 25-30mg/kg MD: hiệu chỉnh theo chức năng thận nền và TDM.																																																																																																
ClCr (ml/ph)	Liều vancomycin (mg/24h)																																																																																																	
100	1545																																																																																																	
90	1390																																																																																																	
80	1235																																																																																																	
70	1080																																																																																																	
60	925																																																																																																	
50	770																																																																																																	
40	620																																																																																																	
30	465																																																																																																	
20	310																																																																																																	
10	155																																																																																																	

Tên hoạt chất	Dược thư Quốc gia Việt Nam 2022			Sanford guide (update 12.2025)			HD hiệu chỉnh liều ở BN suy thận - BV Bạch Mai 2023			Renal Pharmacotherapy 2021			
Voriconazol	ClCr (ml/ph)	Đường uống		Đường tiêm	Nhiễm trùng	LD	MD	ClCr (ml/ph)	Đường uống		Đường tiêm	ClCr (ml/ph)	Liều dùng
	≥ 50	≥40kg	<40kg	LD: 6mg/kg/12h x 2 liều; MD: 4mg/kg/12h	Nhiễm Aspergillus xâm lấn	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	≥ 50	≥40kg	<40kg	LD: 6mg/kg/12h x 2 liều; MD: 4mg/kg/12h	≥ 50	LD: 6mg/kg/12h x 2 liều, IV MD: 4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO
		LD: 400mg/12h x 2 liều; MD: 200mg/12h	LD: 200mg/12h x 2 liều; MD: 100mg/12h		Nhiễm Candida nghiêm trọng	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	3-4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO		LD: 0,4g/12h x 2 liều; MD: 0,2g/12h	LD: 0,2g/12h x 2 liều; MD: 0,1g/12h			
	< 50	Không phải chỉnh liều		Nên chuyển sang đường uống	Nhiễm Candida thực quản	-	200mg/12h, PO	< 50	Không phải chỉnh liều		Chuyển uống hoặc dùng thuốc	< 50	Không cần hiệu chỉnh liều voriconazol đường uống. Nên tránh dùng theo đường tĩnh mạch, trừ khi lợi ích mang lại lớn hơn rủi ro
	HD	Không phải chỉnh liều			Nhiễm nấm cơ hội	6mg/kg/12h, IV x 2 liều	4mg/kg/12h, IV hoặc 200mg/12h, PO	CVVH CVVHD, CVVHDF, HD	Không phải chỉnh liều		Không dùng đường tĩnh mạch khi ClCr < 50 ml/ph	HD	Không phải chỉnh liều
					- BN suy thận, HD, CAPD, CRRT: không phải chỉnh liều. - Tránh sử dụng đường tĩnh mạch nếu ClCr < 50ml/ph.								



Colistin

➤ Đồng thuận colistin 2019 của ACCP/IDSA/ISAP/SCCM/SIDP

Khuyến cáo sử dụng liều để đạt được nồng độ trạng thái hằng định trung bình mục tiêu C_{ss} là 2 mg/l

LD: 300mg colistin base (CBA) tương đương colistimethate (CMS) 9 MUI truyền trong 0,5 - 1 giờ

MD: điều chỉnh theo độ thanh thải creatinin

ClCr (ml/ph)	Liều colistin tính theo CBA (mg/ngày)	Liều colistin tính theo CMS tương đương (MUI/ngày)
0	130	3,95
5 - < 10	145	4,40
10 - < 20	160	4,85
20 - < 30	175	5,30
30 - < 40	195	5,90
40 - < 50	220	6,65
50 - < 60	245	7,40
60 - < 70	275	8,35
70 - < 80	300	9,00
80 - < 90	340	10,3
≥ 90	360	10,9

- HD: Vào ngày không lọc, dùng liều 130mg CBA/ngày (tương đương 3,95MUI/ngày). Bổ sung 40mg CBA hoặc 50mg CBA (tương đương 1,2MUI hoặc 1,6MUI CMS) cho mỗi phiên lọc 3 hoặc 4 giờ, liều hàng ngày còn lại nên cho sau lọc.

- SLED: thêm 10% liều vào liều cơ bản hàng ngày trong mỗi giờ chạy SLED.

- CRRT: 220mg CBA (tương đương 6,65MUI)/12h.

➤ Hướng dẫn sử dụng colistin tại Bệnh viện Bạch Mai:

- LD: tính theo cân nặng, tối đa 9MUI (kể cả BN suy thận, lọc máu).

- MD: tính theo mức lọc cầu thận, sử dụng sau liều nạp 8 - 12 giờ phụ thuộc vào khoảng cách đưa liều duy trì.

- Tổng liều thuốc trong 24 giờ không quá 12MUI và được chia 2 - 3 lần theo chỉ định của bác sĩ điều trị.

Liều dùng tham khảo các chế độ sau:

Cân nặng (kg)	Liều nạp	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì
NK do VK Gram âm kháng thuốc có MIC với colistin cao (> 0,38 - 1 mg/l)			
≤ 30	4 MUI	≤ 30	2 MUI/12h
> 30 - 40	5 MUI	> 30 - 50	3 MUI/12h
> 40 - 50	6 MUI	> 50 - 80	4 MUI/12h

Cân nặng (kg)	Liều nạp	ClCr (ml/ph)	Liều duy trì
> 50 - 60	7 MUI	> 80 - 130	3 MUI/8h
> 60 - 70	8 MUI	> 130	4 MUI/8h
> 70	9 MUI	HD	2 MUI/12h, bổ sung 1 MUI sau lọc
		CRRT	3 - 4 MUI/8h
NK do VK Gram âm kháng thuốc có MIC với colistin ≤ 0,38 mg/l			
≤ 40	2 MUI	≤ 25	1 MUI/12h
> 40 - 50	3 MUI	> 25 - 50	1 MUI/8h
> 50 - 70	4 MUI	> 50 - 70	2 MUI/12h
		> 70	2 MUI/8h
> 70	5 MUI	HD	2 MUI/12h, bổ sung 1 MUI sau lọc
		CRRT	3 - 4 MUI/8h



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

APD: thẩm phân phúc mạc chu kỳ
BN: bệnh nhân
CAPD: thẩm phân phúc mạc liên tục ngoại trú
cIAI: nhiễm khuẩn ổ bụng có biến chứng
ClCr: độ thanh thải creatinin
CRRT: liệu pháp thay thế thận liên tục
cUTI: nhiễm khuẩn tiết niệu có biến chứng
CVVH: lọc máu liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch
CVVHD: thẩm tách máu liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch
CVVHDF: lọc máu thẩm tách liên tục tĩnh mạch - tĩnh mạch
GFR: tốc độ lọc cầu thận
HAP: viêm phổi bệnh viện
HD: chạy thận nhân tạo chu kỳ
IAI: nhiễm khuẩn ổ bụng
IM: tiêm bắp
IP: tiêm phúc mạc
IV: đường tĩnh mạch
LD: liều nạp
MD: liều duy trì
ND: không có dữ liệu
NK: nhiễm khuẩn
Non-XR: không phải dạng giải phóng kéo dài
PD: thẩm phân phúc mạc
PO: đường uống
Qd: lưu lượng dịch thẩm tách
SCr: nồng độ creatinin huyết thanh
SLED: lọc máu thẩm tách lưu lượng thấp kéo dài
TDM: theo dõi nồng độ thuốc trong máu
UTI: nhiễm khuẩn tiết niệu
VAP: viêm phổi thở máy
VK: vi khuẩn